



Thanh Hóa, ngày 23 tháng 6 năm 2025

TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SÁCH, VỮNG MẠNH; PHÁT HUY MẠNH MẼ TIỀM NĂNG, LỢI THẾ, NGUỒN LỰC, GIÁ TRỊ VĂN HÓA, CON NGƯỜI VÀ SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN; PHÁT TRIỂN NHANH, TOÀN DIỆN VÀ BỀN VỮNG; PHẤN ĐÁU ĐẾN NĂM 2030 TRỞ THÀNH TỈNH CÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI, NGƯỜI DÂN CÓ MỨC SỐNG CAO HƠN BÌNH QUÂN CHUNG CỦA CẢ NƯỚC, ĐẾN NĂM 2045 TRỞ THÀNH TỈNH GIÀU ĐẸP, VĂN MINH, HIỆN ĐẠI, PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN VÀ KIỂU MẪU CỦA CẢ NƯỚC

(Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX, tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030)

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIX, NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Tỉnh ta có những thuận lợi cơ bản: chính trị - xã hội ổn định; đoàn kết trong Đảng, đồng thuận trong Nhân dân được tăng cường; nhiều công trình, dự án lớn đã đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động phát huy hiệu quả; tiềm lực kinh tế của tỉnh ngày càng lớn mạnh; được Trung ương quan tâm hỗ trợ, ban hành cơ chế chính sách đặc thù, tạo điều kiện cho tỉnh phát triển. Song, cũng gặp không ít khó khăn, thách thức do tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp; đại dịch Covid-19 diễn ra trên diện rộng và kéo dài; hậu quả thiên tai, dịch bệnh, cùng với những hạn chế, yếu kém từ nhiều năm trước chưa được giải quyết triệt để¹, đã tác động bất lợi đến sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, việc làm và đời sống Nhân dân.

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân các dân tộc trong tỉnh đã phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, chủ động, sáng tạo, tranh thủ thời cơ, thuận lợi, chủ động khắc phục khó khăn, thách thức, nỗ lực phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đạt kết quả quan trọng và khá toàn diện; dự kiến có 23/27 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch. Cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH, ĐỐI NGOẠI

¹ Như: chất lượng, khả năng cạnh tranh của nhiều sản phẩm hạn chế; hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là ở khu vực miền núi, hạ tầng KCN, cụm công nghiệp còn thiếu đồng bộ và yếu kém; chất lượng nguồn nhân lực thấp; năng lực khoa học, công nghệ hạn chế; thiếu giáo viên; nợ đọng BHXH, BHYT ở các doanh nghiệp...

1. Kinh tế tăng trưởng cao, quy mô nền kinh tế ngày càng lớn, từng bước khẳng định là cực tăng trưởng mới ở phía Bắc của Tổ quốc

1.1. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 10,24%², đứng thứ 4 cả nước³ và đứng thứ 3 trong nhóm 10 tỉnh, thành phố có quy mô kinh tế lớn nhất cả nước (so với các tỉnh, thành phố trước khi hợp nhất, sáp nhập). Quy mô GRDP năm 2025 ước đạt 357.760 tỉ đồng, gấp 1,9 lần năm 2020, đứng thứ 8 cả nước, cao nhất các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; GRDP bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 3.750 USD/người, gấp 1,7 lần năm 2020.

Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ⁴. Trong nội bộ ngành nông, lâm, thủy sản, tỉ trọng nông nghiệp giảm từ 69,1% năm 2020 xuống 65,2% năm 2025; tỷ trọng lâm nghiệp tăng từ 7,9% lên 10,3%; tỷ trọng thủy sản tăng từ 23% lên 24,5%. Trong ngành công nghiệp, tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 79,4%, tăng 4,2% so với năm 2020. Cơ cấu ngành dịch vụ chuyển dịch theo hướng phát huy hiệu quả các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế, hàm lượng khoa học, công nghệ cao, như: công nghệ thông tin, bưu chính viễn thông, hàng không, tài chính, ngân hàng, du lịch...

Khu vực kinh tế nhà nước phát triển ổn định, nắm cổ phần chi phối ở những lĩnh vực quan trọng, thiết yếu; năm 2025 chiếm 19,7% GRDP, giảm 1,1% so với năm 2020. Kinh tế tư nhân phát triển đa dạng; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài năm 2025 chiếm 23,7% GRDP, tăng 10% so với năm 2020. Mô hình tăng trưởng kinh tế từng bước chuyển từ chiều rộng sang chiều sâu, góp phần quan trọng nâng cao năng suất lao động, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế⁵; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 10,4%, vượt mục tiêu Đại hội (9,6%).

Các trung tâm kinh tế động lực tiếp tục đóng vai trò quan trọng, thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh⁶. Các trụ cột tăng trưởng được quan tâm tạo điều kiện, khuyến khích phát triển; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng trưởng bình quân hằng năm 15,3%, trong đó có một số sản phẩm sản lượng dẫn đầu cả nước như: lọc hóa dầu, thép, xi măng. Đã hình thành được một số vùng, mô hình sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao, theo chuỗi giá trị; các sản phẩm chăn nuôi chủ lực, sản phẩm có lợi thế⁷ phát triển mạnh. Du lịch có bước phát triển đột phá, tạo tiền đề để trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Các hành lang kinh tế được quan tâm

² Trong đó: Năm 2021 đạt 9,67%; năm 2022 đạt 11,53%; năm 2023 đạt 6,93%; năm 2024 đạt 12,16%; năm 2025 ước đạt 11%.

³ Sau các tỉnh, thành phố: Bắc Giang, Hải Phòng và Quảng Ninh.

⁴ Tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2025 chiếm 12%, giảm 5,3% so với năm 2020; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 51%, tăng 9,2%; ngành dịch vụ chiếm 30%, giảm 3,9%; thuế sản phẩm giữ ở mức 7%.

⁵ Năng suất lao động xã hội bình quân năm 2025 ước đạt 170,1 triệu đồng/người, tăng 81,5 triệu đồng so với năm 2020.

⁶ Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 của các huyện, thị xã, thành phố thuộc 4 trung tâm kinh tế động lực ước đạt 13,63%, cao hơn bình quân chung của tỉnh (11,41%); năm 2025, quy mô giá trị sản xuất chiếm 67,2% tổng giá trị sản xuất của tỉnh, tăng 7,5% so với năm 2020.

⁷ Như: Bò lai, bò sữa, lợn hướng nạc, con nuôi đặc sản...

đầu tư cải tạo, nâng cấp hạ tầng giao thông⁸, lập quy hoạch xây dựng hai bên các tuyến đường theo chiều sâu, tạo điều kiện mở rộng không gian phát triển, thu hút đầu tư, khai thác tiềm năng lợi thế và thúc đẩy kết nối, liên kết giữa các địa phương, các vùng, miền trong tỉnh, với các tỉnh phía Bắc, Bắc Trung Bộ và nước CHDCND Lào.

Với vị trí chiến lược quan trọng, cầu nối phát triển giữa Bắc Trung Bộ và Bắc bộ, quy mô nền kinh tế năm 2024 (GRDP) đứng đầu vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ, đứng thứ 4/26 tỉnh, thành phố ở miền Bắc⁹, đứng thứ 8/63 tỉnh, thành phố trong cả nước¹⁰; với đà tăng trưởng kinh tế cao và ổn định, sự phát triển của tỉnh đã, đang và sẽ có tác động lan tỏa lớn đến sự phát triển của các tỉnh trong khu vực và cả nước, từng bước khẳng định là cực tăng trưởng mới ở phía Bắc của Tổ quốc như Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra.

1.2. Các ngành kinh tế tiếp tục phát triển, năng lực sản xuất tăng mạnh, nhiều lĩnh vực trong nhóm đầu cả nước

Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản phát triển khá toàn diện; tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm ước đạt 3,81%, vượt mục tiêu Đại hội. Sản lượng lương thực bình quân đạt 1,57 triệu tấn/năm, đạt mục tiêu Đại hội; giá trị sản phẩm trồng trọt trên 01 ha canh tác năm 2025 ước đạt 125 triệu đồng, cao hơn 34,6 triệu đồng so với năm 2020; một số nông sản hàng hóa mới được xuất khẩu, mang lại thu nhập cao cho người dân¹¹. Đã tích tụ, tập trung thêm 33.800 ha đất để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, vượt mục tiêu Đại hội. Chăn nuôi phát triển theo hướng trang trại, ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường. Lâm nghiệp phát triển bền vững trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng, bảo vệ môi trường và phòng, chống thiên tai; tỉ lệ che phủ rừng năm 2025 ước đạt 54%, đạt mục tiêu Đại hội. Thủy sản phát triển cả về nuôi trồng, khai thác và dịch vụ hậu cần; sản lượng năm 2025 ước đạt 222.100 tấn, tăng 15,2% so với năm 2020; giá trị sản phẩm nuôi trồng thủy sản trên 01 ha canh tác năm 2025 ước đạt 334 triệu đồng, cao hơn 112 triệu đồng so với năm 2020. Thu hút đầu tư vào nông nghiệp đạt kết quả tích cực¹²; đã hình thành một số chuỗi giá trị liên kết trong sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm¹³. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được đẩy mạnh, trong nhiệm kỳ có thêm 531 sản phẩm OCOP được công nhận, đứng thứ 3 cả nước.

Công nghiệp - xây dựng phát triển mạnh, tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm ước đạt 14,15%, cao hơn mục tiêu Đại hội. Sản xuất công nghiệp duy trì tốc độ

⁸ Như: Đường bộ ven biển và các tuyến đường nối với đường cao tốc Bắc Nam đoạn qua tỉnh Thanh Hóa; Đại lộ Đông - Tây thành phố Thanh Hóa đoạn từ thị trấn Rừng Thông đến Quốc lộ 1A; đường nối Trung tâm thành phố Thanh Hóa với đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn; đường Vạn Thiện đi Bến En; đường nối Quốc lộ 1A và Quốc lộ 45 từ xã Hoàng Xuân, huyện Hoàng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa...

⁹ Sau các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh.

¹⁰ Sau các tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Hải Phòng, Quảng Ninh.

¹¹ Lần đầu tiên tỉnh ta có sản phẩm Vải không hạt xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản và Vương quốc Anh; sản phẩm Gạo Japonica xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản...

¹² Đã đưa vào hoạt động một số dự án chăn nuôi quy mô lớn như: Khu liên hợp sản xuất, chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện; Chăn nuôi bò sữa quy mô công nghiệp; khu chăn nuôi lợn giống và thương phẩm ứng dụng công nghệ cao DABACO...

¹³ Như: Chuỗi liên kết của Công ty Sữa Việt Nam (Vinamilk); Công ty Sữa TH True Milk, Công ty CP nông sản Phú Gia - VietAvis; Công ty CP thực phẩm Việt Hưng...

tăng trưởng cao, bình quân hằng năm ước đạt 17,05%, là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh¹⁴. Nhiều dự án, cơ sở sản xuất công nghiệp mới¹⁵ đã hoàn thành và đi vào hoạt động hiệu quả; một số dự án công nghiệp quy mô lớn¹⁶ tiếp tục được đẩy nhanh tiến độ. Tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề nông thôn tiếp tục phát triển; nhiều sản phẩm đã khẳng định được chất lượng, thương hiệu trên thị trường trong nước và xuất khẩu¹⁷. Lĩnh vực xây dựng tăng trưởng bình quân hằng năm 7,34%. Công tác lập, trình phê duyệt quy hoạch xây dựng và quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng có chuyển biến tích cực.

Ngành dịch vụ bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19, song đã có bước phục hồi nhanh và tiếp tục phát triển; tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm ước đạt 8,01%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng bình quân hằng năm 13,6%; năm 2025 ước đạt 224.249 tỉ đồng, gấp 1,9 lần năm 2020, đứng thứ 7 cả nước về quy mô thị trường. Hoạt động xuất, nhập khẩu tăng mạnh, giá trị xuất khẩu năm 2025 ước đạt 8 tỉ USD, đạt mục tiêu Đại hội; giá trị nhập khẩu hàng hóa bình quân hằng năm tăng 19,4%¹⁸. Đã đưa vào khai thác một số khu, điểm, sản phẩm du lịch mới¹⁹; lượng khách du lịch tăng bình quân 16,9%/năm, tổng thu du lịch tăng bình quân 34,4%/năm. Vận tải hành khách tăng bình quân 8,4%/năm, vận chuyển hàng hóa tăng bình quân 10,9%/năm, bốc xếp hàng hóa thông qua cảng tăng bình quân 5,6%/năm; doanh thu vận tải tăng bình quân 18,9%/năm. Hoạt động tài chính, ngân hàng tiếp tục phát triển, mạng lưới các tổ chức tín dụng được mở rộng, dịch vụ ngày càng đa dạng; huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng bình quân 12,66%/năm, dư nợ tăng bình quân 12,49%/năm. Hạ tầng bưu chính, viễn thông tiếp tục được đầu tư, nâng cấp, mở rộng vùng phục vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển, thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

1.3. Môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện; thu hút đầu tư nằm trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước²⁰; phát triển doanh nghiệp, thu ngân sách nhà nước vượt mục tiêu Đại hội

Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được tăng cường; hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện; nhiều thủ tục hành chính được đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết; các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được quan tâm giải quyết. Xây dựng chính quyền điện tử tiếp tục được đẩy

¹⁴ Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng bình quân hằng năm ước đạt 14,3%.

¹⁵ Như: Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 2, Nhà máy xi măng Đại Dương 1, Dây chuyền 3 nhà máy Xi măng Long Sơn; Trạm nghiền xi măng Long Sơn; Nhà máy sản xuất bao bì của Công ty Miza; Nhà máy Công nghiệp SAB Việt Nam; nhà máy sản xuất thực phẩm đóng hộp từ thủy sản Lê Gia; các nhà máy may mặc, da giày...

¹⁶ Như: Dây chuyền 4 nhà máy Xi măng Long Sơn; nhà máy xi măng Đại Dương 2; Nhà máy luyện cán thép Nghi Sơn số 2; CCN phía Đông Bắc, thành phố Thanh Hóa; CCN Ngọc Vũ, huyện Thiệu Hóa; CCN Thọ Nguyên...

¹⁷ Như: các sản phẩm của làng nghề đúc đồng Trà Đông, xã Thiệu Trung (huyện Thiệu Hóa); Làng nghề dệt chiếu và đồ thủ công mỹ nghệ từ cói tại huyện Nga Sơn và huyện Quảng Xương; Nghề đá mỹ nghệ làng Mai, xã Minh Tân (huyện Vĩnh Lộc); Làng nghề nước mắm Ba Làng, Phường Hải Thanh (thị xã Nghi Sơn)...

¹⁸ Giá trị nhập khẩu năm 2025 ước đạt 12,2 tỉ USD, gấp 2,3 lần năm 2020.

¹⁹ Các khu, điểm du lịch như: Quảng trường biển, Công viên nước SunWorld tại thành phố Sầm Sơn; Flamingo Ibiza Hải Tiến, Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái LAMORI Resort & Spa tại xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân... Các sản phẩm du lịch mới như: Tour du lịch Đảo Mê, Đảo Nẹ, dù lượn tại khu du lịch Hải Tiến...

²⁰ Lũy kế đến nay, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh đứng thứ 9 cả nước về số vốn đầu tư.

manh; Thanh Hóa là một trong những tỉnh đầu tiên trên cả nước thực hiện việc kết nối, chia sẻ, trao đổi văn bản điện tử giữa chính quyền và doanh nghiệp.

Phát triển doanh nghiệp được quan tâm²¹; giai đoạn 2021 - 2025, ước tính có trên 17.600 doanh nghiệp được thành lập mới (vượt mục tiêu Đại hội); đến hết năm 2025, trên địa bàn tỉnh có khoảng 22 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động, đạt 5,8 doanh nghiệp/1.000 dân, tăng 1,05 doanh nghiệp so với năm 2020. Phát triển hợp tác xã có chuyển biến tích cực; từ năm 2021 đến nay, toàn tỉnh đã thành lập mới 265 hợp tác xã, nâng tổng số hợp tác xã đang hoạt động trên địa bàn tỉnh lên 1.348.

Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh ước đạt 700,1 nghìn tỉ đồng, gấp 1,14 lần giai đoạn 2016 - 2020. Cơ cấu vốn đầu tư chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng vốn nhà nước, tăng nhanh tỉ trọng vốn ngoài nhà nước. Hoạt động kinh tế đối ngoại, vận động, xúc tiến đầu tư được tổ chức thực hiện linh hoạt và đạt kết quả tích cực. Từ năm 2021 đến nay, đã thu hút được 350 dự án đầu tư trực tiếp²², trong đó có 55 dự án FDI. Các nguồn vốn ODA, NGO tiếp tục được quan tâm vận động, sử dụng hiệu quả²³. Hoạt động đầu tư công được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt từ khâu xây dựng kế hoạch, giao kế hoạch vốn và triển khai thực hiện; tỉ lệ giải ngân vốn đầu tư công do tỉnh quản lý hàng năm luôn trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước.

Thu ngân sách nhà nước hằng năm đều vượt dự toán Trung ương giao và nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố có số thu ngân sách cao nhất cả nước²⁴; tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hằng năm ước đạt 10,5%, vượt mục tiêu Đại hội. Việc phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước được cơ cấu lại theo hướng giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển, ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ cấp bách, cần thiết.

1.4. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được quan tâm đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại; diện mạo đô thị và nông thôn có nhiều khởi sắc

Giai đoạn 2021 - 2025, đã thực hiện nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới gần 710 km đường quốc lộ và đường tỉnh, kết nối các trung tâm kinh tế động lực, các vùng, miền và kết nối với các trục giao thông huyết mạch của cả nước²⁵; Cảng Nghi Sơn

²¹ UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án phát triển doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025; HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 214/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2026.

²² Một số dự án có quy mô lớn như: Nhà máy luyện cán thép DST Nghi Sơn tại KKT Nghi Sơn (TMĐT 5.500 tỉ đồng), Nhà máy sản xuất ván tre OSB staBOO Thanh Hóa tại xã Thiết Ống, huyện Bá Thước (TMĐT 3.199 tỉ đồng), Nhà máy sản xuất cầu kiện bê tông cốt thép công nghệ cao Đại Dương tại KKT Nghi Sơn (TMĐT 1.098 tỉ đồng), Nhà máy sản xuất dụng cụ thể thao Outdoor Gear Việt Nam tại xã Nga Trường, huyện Nga Sơn (TMĐT 868 tỉ đồng), Nhà máy ứng dụng công nghệ cao sản xuất sản phẩm tre luồng tại thị trấn Lang Chánh (TMĐT 800 tỉ đồng), Nhà máy dệt may tại cụm công nghiệp Thái - Thắng, huyện Hoằng Hóa (TMĐT 45,8 triệu USD)...; các dự án của Tập đoàn Xuân Thiện với tổng vốn đầu tư khoảng 10.000 tỉ đồng; Trung tâm thương mại Aeon Mall Thanh Hóa tại phường Quảng Thành, TP Thanh Hóa (TMĐT 180,5 triệu USD), Sân golf tại xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương (TMĐT 1.616 tỉ đồng); Thủy điện Sông Âm tại các huyện Lang Chánh và Bá Thước (TMĐT 483 tỉ đồng)...

²³ Từ năm 2021 đến nay, thu hút được 03 dự án ODA với tổng vốn đầu tư 2.054,72 tỉ đồng; thu hút được 58 chương trình, dự án, phi dự án với tổng vốn viện trợ không hoàn lại khoảng 18,8 triệu USD.

²⁴ Trong đó: Năm 2021 xếp thứ 8, năm 2022 xếp thứ 9, năm 2023 và năm 2024 xếp thứ 8 cả nước.

²⁵ Đã hoàn thành, đưa vào sử dụng một số dự án lớn như: Đường giao thông nối thành phố Sầm Sơn với Khu kinh tế Nghi Sơn; tuyến đường Đại lộ Đông - Tây thành phố Thanh Hóa đoạn từ thị trấn Rừng Thông đến Quốc lộ 1A; đường nối Trung tâm thành phố Thanh Hóa với đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn; đường Vạn Thiện đi Bến En; đường nối Quốc lộ 1A và Quốc lộ 45 từ xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa...

đã được Thủ tướng Chính phủ quy hoạch tiềm năng trở thành cảng đặc biệt, Cảng biển Lạch Sung đã được bổ sung vào quy hoạch cảng biển quốc gia. Hạ tầng Khu kinh tế Nghi Sơn, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được quan tâm đầu tư²⁶; tỉ lệ lấp đầy các khu công nghiệp được nâng lên²⁷; có thêm 21 cụm công nghiệp được thành lập mới²⁸. Hạ tầng nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, cấp điện, công nghệ thông tin và truyền thông, giáo dục, y tế... tiếp tục được đầu tư, cải tạo, nâng cấp, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của Nhân dân.

Phát triển đô thị được chú trọng; giai đoạn 2021 - 2025, có thêm 06 đô thị được công nhận; đô thị thành phố Thanh Hóa được mở rộng; liên đô thị thành phố Thanh Hóa - Sầm Sơn được đầu tư kết nối; một số khu đô thị mới, hiện đại được đầu tư hoàn thành, làm thay đổi diện mạo đô thị của tỉnh. Hạ tầng đô thị tại các huyện được đầu tư theo hướng hiện đại, phát huy vai trò là trung tâm kết nối các khu vực nông thôn, các cụm công nghiệp, các điểm dịch vụ và du lịch trên địa bàn. Đến năm 2025, tỉ lệ đô thị hóa ước đạt 40%, đạt mục tiêu Đại hội.

Xây dựng nông thôn mới đạt kết quả nổi bật, duy trì trong nhóm dẫn đầu cả nước. Toàn tỉnh đã có 15 đơn vị cấp huyện, 374 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 83,3%); trong đó, có 04 huyện và 125 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (đạt 33,4%); 33 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (đạt 8,8%), vượt mục tiêu Đại hội. Hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn được đầu tư bằng nhiều nguồn lực đa dạng, đạt được kết quả quan trọng²⁹, diện mạo nông thôn ngày càng khang trang, sáng, xanh, sạch, đẹp.

2. Văn hóa, xã hội chuyển biến tiến bộ, an sinh xã hội được đảm bảo, đời sống Nhân dân được nâng lên; quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường được tăng cường; ứng phó kịp thời, hiệu quả với thiên tai, biến đổi khí hậu

2.1. Hoạt động khoa học - công nghệ, chuyển đổi số được chú trọng. Giai đoạn 2021 - 2025 đã triển khai 253 nhiệm vụ khoa học - công nghệ, trong đó có nhiều nhiệm vụ được áp dụng, phát huy hiệu quả trong thực tiễn. Các tổ chức và doanh nghiệp khoa học - công nghệ được đầu tư tăng cường cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa; đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học được tăng cường về số lượng và nâng cao chất lượng, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiên bộ khoa học, công nghệ trên các lĩnh vực.

Chuyển đổi số đạt kết quả quan trọng trên cả 3 trụ cột: chính quyền số, kinh tế

²⁶ Đã đưa vào hoạt động KCN số 1 - KKT Nghi Sơn; KCN Bim Sơn (Nam Khu A); đang triển khai đầu tư xây dựng, hoàn thiện các dự án gồm: KCN Luyện kim, KCN số 3, KCN Đồng Vàng, KCN Lam Sơn - Sao Vàng, KCN Bim Sơn (Bắc khu A và Khu B); đã chấp thuận chủ trương đầu tư các KCN, gồm: KCN Phú Quý, KCN phía Tây thành phố Thanh Hóa, KCN Giang Quang Thịnh, KCN dược phẩm công nghệ cao Việt Nam - Ấn Độ.

²⁷ Tỉ lệ lấp đầy các KCN trong KKT Nghi Sơn đạt 35%; KCN Lễ Môn đạt 100%; KCN Đình Hương - Tây Bắc ga đạt 95%; KCN Hoàng Long (GD 1) đạt 100%; KCN Bim Sơn đạt 65%; KCN Lam Sơn - Sao Vàng đạt 5%; KCN Thạch Quảng đạt 6,6%.

²⁸ Nâng tổng số cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh lên 46 cụm với tổng diện tích 1.640,29 ha.

²⁹ Từ năm 2021 đến nay, đã đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo trên 3.598 km đường giao thông nông thôn, 1.042 km kênh mương và rãnh thoát nước, 339 công trình thủy lợi, 3.495 phòng học, 1.682 km đường điện, 418 trạm biến áp, 85 trung tâm văn hóa - thể thao xã, 1.052 nhà văn hóa thôn, 92 chợ nông thôn, 105 trạm y tế xã, 46 công sở xã, 97 công trình cấp nước sinh hoạt, 65 công trình bãi chứa rác thải tập trung; xây dựng mới và chỉnh trang trên 60.000 nhà ở dân cư.

số và xã hội số³⁰; Chỉ số xếp hạng mức độ chuyển đổi số (DTI) của tỉnh luôn duy trì trong nhóm 15 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước³¹.

2.2. Hoạt động văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao có chuyển biến tích cực. Công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích, di sản văn hoá được quan tâm thực hiện³²; có thêm 07 di tích được xếp hạng cấp tỉnh, 16 di sản văn hóa phi vật thể của tỉnh được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia³³. Phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, xây dựng tập thể, cá nhân kiểu mẫu được đẩy mạnh³⁴. Đã tổ chức thành công nhiều sự kiện chính trị, văn hóa lớn, góp phần khơi dậy niềm tự hào, tạo động lực tinh thần to lớn cho Đảng bộ và Nhân dân phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ. Hoạt động văn học, nghệ thuật, báo chí, xuất bản có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả. Phong trào thể dục - thể thao quần chúng phát triển mạnh³⁵; một số môn thể thao mới được đông đảo Nhân dân tham gia tập luyện³⁶; thể thao thành tích cao đạt 2.722 huy chương, thuộc nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Câu lạc bộ bóng đá Đông Á Thanh Hóa 02 lần liên tiếp vô địch Cúp quốc gia các năm 2023 và 2024.

2.3. Giáo dục và Đào tạo phát triển toàn diện; giáo dục mũi nhọn luôn đứng trong top đầu của cả nước³⁷; chất lượng giáo dục đại trà chuyển biến tích cực³⁸; năm 2023 lần đầu tiên tỉnh Thanh Hóa có học sinh đoạt giải Nhất cuộc thi chung kết Đường lên đỉnh Olympia. Công tác rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp học các cấp tiếp tục thực hiện theo lộ trình³⁹; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các cấp học

³⁰ **Về chính quyền số:** Đã thực hiện việc trao đổi, xử lý văn bản hồ sơ trên môi trường mạng liên thông giữa các cơ quan khối Đảng, chính quyền, đoàn thể ở cả 3 cấp; 100% hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết trực tuyến toàn trình được cung cấp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và trên các phương tiện truy cập; 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử... **Về kinh tế số:** Tỷ trọng đóng góp của kinh tế số trong tổng quy mô kinh tế của tỉnh ngày càng tăng, năm 2021 đạt 6,1%; năm 2022 đạt 8,3%; năm 2023 đạt 10,7%; năm 2024 đạt 15,6%; năm 2025 ước đạt 18,7%. Đã đẩy mạnh chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, như: nông nghiệp, công nghiệp chế biến chế tạo, y tế, văn hóa, du lịch..., góp phần tăng năng suất lao động, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm. Toàn tỉnh có 6.500 doanh nghiệp chuyển đổi số, chiếm 31% tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. **Về xã hội số:** Đã triển khai làm thẻ Căn cước gắn chip, cài đặt phần mềm VneID trên thiết bị di động thông minh để thuận tiện cho người dân trong các giao dịch cơ bản; đẩy mạnh thực hiện các dịch vụ số, như: dịch vụ công trực tuyến, các dịch vụ y tế, giáo dục, giao thông, thông tin bất động sản, việc làm, các tiện ích thương mại điện tử và kinh tế chia sẻ... Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên theo quy định có tài khoản điện tử đạt 82%; có 154 xã, phường, thị trấn hoàn thành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã, đạt 27,6%.

³¹ Chỉ số DTI của tỉnh Thanh Hóa: Năm 2021 đứng thứ 12/63 tỉnh, thành phố; năm 2022 đứng thứ 15; năm 2023 và năm 2024 đứng thứ 9.

³² Có hơn 200 dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi chống xuống cấp di tích được thực hiện.

³³ Đến nay, toàn tỉnh có 858 di tích được xếp hạng các cấp, trong đó: 01 di sản văn hoá thế giới, 05 di tích quốc gia đặc biệt, 139 di tích quốc gia, 713 di tích cấp tỉnh và 27 di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.

³⁴ Tỷ lệ gia đình được công nhận danh hiệu gia đình văn hóa năm 2025 ước đạt 83,5%, tăng 6,5% so với năm 2020; tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố được công nhận danh hiệu "Khu dân cư văn hóa" năm 2025 ước đạt 82,5%, tăng 3,5%; tỷ lệ xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị đạt tiêu chí kiểu mẫu năm 2025 ước đạt 24,25%, vượt mục tiêu Đại hội.

³⁵ Tỷ lệ người dân tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên tăng từ 42,8% năm 2020 lên 45% năm 2025.

³⁶ Như: Thể thao dân vũ, bóng chuyền hơi, pickleball...

³⁷ Từ năm 2021 đến nay học sinh của tỉnh đã đoạt 09 huy chương tại các kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế (gồm: 05 HCB, 04 HCD); các kỳ thi học sinh giỏi THPT toàn quốc, Thanh Hóa luôn trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu.

³⁸ Năm 2021, tỉnh Thanh Hóa có điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp đạt 6,36 xếp thứ 32 toàn quốc (tăng 12 bậc so với năm 2020); năm 2022, điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp là 6,347 điểm, xếp ở vị trí thứ 27 toàn quốc; năm 2023, điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp là 6,47 điểm, xếp ở vị trí thứ 21 toàn quốc; năm 2024, điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp là 6,82 điểm, xếp ở vị trí thứ 18 toàn quốc.

³⁹ So với năm 2020, đến nay toàn tỉnh đã thực hiện việc sắp xếp giảm 49 trường; đã thành lập thêm 05 trường TH, THCS&THPT (trong đó 04 trường tư thục, 01 trường công lập tự chủ).

được bố trí đảm bảo chuẩn hóa về trình độ đào tạo⁴⁰. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2025 ước đạt 86,9%, vượt mục tiêu Đại hội. Hệ thống giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp tiếp tục được rà soát, sắp xếp lại, gắn đào tạo với nhu cầu xã hội⁴¹. Xã hội hóa giáo dục đạt kết quả tích cực⁴²; khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập trở thành phong trào sâu, rộng trong toàn tỉnh.

2.4. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm. Đã thực hiện quyết liệt, sáng tạo, hiệu quả các biện pháp phòng, chống và kiểm soát tốt đại dịch Covid-19, hạn chế được tác động tiêu cực của dịch bệnh đến phát triển kinh tế - xã hội và sức khỏe của Nhân dân⁴³. Các cơ sở y tế tiếp tục nâng cao chất lượng, tăng cường ứng dụng kỹ thuật mới trong khám, chữa bệnh. Đến năm 2025, các chỉ tiêu về số giường bệnh/vạn dân, số bác sỹ/vạn dân, tỉ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế, tỉ lệ dân số tham gia BHYT đều đạt mục tiêu Đại hội⁴⁴. Xã hội hóa y tế tiếp tục được đẩy mạnh và đạt kết quả tích cực⁴⁵. Công tác dân số và phát triển được quan tâm, chất lượng dân số được nâng lên. Công tác y tế dự phòng được tăng cường; vệ sinh ATTP được kiểm soát chặt chẽ, trên địa bàn tỉnh không có các vụ ngộ độc thực phẩm lớn xảy ra.

2.5. Giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội được chăm lo. Trong 5 năm, đã giải quyết việc làm cho 310 nghìn lao động. Cơ cấu lao động của tỉnh chuyển dịch tích cực⁴⁶. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2025 ước đạt 75%, tăng 5% so với năm 2020; trong đó có văn bằng chứng chỉ ước đạt 30%, tăng 4,9% so với năm 2020 và đạt mục tiêu Đại hội. Các chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo được triển khai thực hiện hiệu quả; tỉ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm ước đạt 1,56%, vượt mục tiêu Đại hội. Chế độ, chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng; đã kịp thời hỗ trợ người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19⁴⁷. Nhiều hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở được hỗ trợ xây dựng nhà ở; nhiều gia đình sinh sống ở khu vực có nguy cơ bị lũ ống, lũ quét, sạt lở đất và đồng bào sinh sống trên sông được hỗ trợ đất ở và kinh phí để xây dựng nhà ở nơi an toàn, ổn định cuộc sống. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống tệ nạn xã hội tiếp tục được quan tâm thực hiện. Các chủ trương, chính sách về dân tộc, tôn giáo được thực hiện hiệu quả; đồng bào các dân tộc, tôn giáo tin tưởng vào

⁴⁰ Tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên có trình độ chuẩn đạt 98,8%.

⁴¹ Toàn tỉnh có 05 cơ sở giáo dục đại học; 66 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giảm 26 cơ sở giáo dục nghề nghiệp so với năm 2020.

⁴² Đã huy động được 580 tỉ đồng để xây dựng 10 cơ sở giáo dục ngoài công lập và 62,8 tỉ đồng để cải tạo, trang bị thiết bị dạy học cho các trường công lập.

⁴³ Tỷ lệ mắc và tử vong do Covid-19 của tỉnh thuộc nhóm thấp trong toàn quốc (tỷ lệ mắc tại tỉnh 5,3%, cả nước 11,7%; tỷ lệ tử vong 0,036%, cả nước 0,4%)

⁴⁴ Đến năm 2025, số giường bệnh/vạn dân ước đạt 44 giường, tăng 8 giường so với năm 2020; số bác sỹ/vạn dân ước đạt 13 bác sỹ, tăng 2 bác sỹ; tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế ước đạt 100%, tăng 5%; tỷ lệ dân số tham gia BHYT ước đạt 95%, tăng 5%.

⁴⁵ Từ năm 2021 đến nay, đã thành lập mới và đưa vào hoạt động 4 bệnh viện tư nhân, nâng tổng số bệnh viện tư nhân trên địa bàn tỉnh lên 20 bệnh viện (12 bệnh viện đa khoa và 8 bệnh viện chuyên khoa).

⁴⁶ Năm 2025, tỷ lệ lao động làm việc trong ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản còn 29,9%, giảm 10% so với năm 2020.

⁴⁷ Tỉnh đã hỗ trợ cho trên 15.200 lượt người sử dụng lao động và trên 748.000 lượt người lao động, với tổng kinh phí thực hiện trên 1.374 tỉ đồng.

sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của chính quyền, tích cực tham gia phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh, cải thiện cuộc sống.

2.6. Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường được tăng cường; kịp thời phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được chú trọng, tạo cơ sở pháp lý cho quản lý, sử dụng đất đai hiệu quả, đúng quy định của pháp luật. Công tác GPMB được tập trung chỉ đạo quyết liệt, cơ bản đáp ứng yêu cầu bàn giao mặt bằng phục vụ triển khai các dự án⁴⁸. Công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện chặt chẽ. Cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản đảm bảo theo quy định, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn.

Công tác bảo vệ môi trường được tăng cường; các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường cơ bản được kiểm soát; kịp thời xử lý, khắc phục các sự cố môi trường⁴⁹. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý năm 2025 ước đạt 92,1%, vượt mục tiêu Đại hội; tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch đạt 96%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,5%, đạt mục tiêu Đại hội.

Tỉnh đã phê duyệt kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hệ thống cảnh báo lũ ống, lũ quét và sạt lở đất được quan tâm xây dựng, đưa vào vận hành trực 24/24h tại 03 huyện miền núi (giai đoạn 1). Công tác phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai được triển khai chủ động, linh hoạt, kịp thời, hạn chế thiệt hại về người và tài sản của Nhà nước và Nhân dân.

3. Quốc phòng - an ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội

Tiềm lực quốc phòng - an ninh được nâng lên; nền quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh Nhân dân, biên phòng toàn dân, xây dựng khu vực phòng thủ được củng cố vững chắc. Sức mạnh tổng hợp và khả năng chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh được tăng cường. Đã đầu tư xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống các công trình quốc phòng có tính chất lưỡng dụng, vừa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, vừa phục vụ nhiệm vụ quốc phòng - an ninh; hoàn thành đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp 22 công trình chiến đấu, công trình phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện; tăng cường trang thiết bị, phương tiện phục vụ nhiệm vụ phòng chống thiên tai, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn. Công tác quân sự địa phương, xây dựng lực lượng bộ đội thường trực, dự bị động viên, dân quân tự vệ, tuyển quân, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng hằng năm đều hoàn thành theo kế hoạch. Tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh năm 2022 và diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện hằng năm. Tổ chức triển khai thực hiện toàn diện, hiệu quả công tác biên phòng, bảo đảm vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

⁴⁸ Kết quả thực hiện giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh: Năm 2021, đạt 92,1%; Năm 2022, đạt 65,7%; Năm 2023, đạt 93,4%; Năm 2024, đạt 102,95%; Năm 2025, dự kiến đạt 100%.

⁴⁹ Như: Sự cố cá chết trên sông Bưởi, sông Bạng, sông Âm, sông Gòg; ngao chết ở Hậu Lộc, Quảng Xương...

An ninh trên các lĩnh vực được bảo đảm, trật tự xã hội được giữ vững. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát động và hưởng ứng sâu rộng; bình quân hằng năm có 80% khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT, đạt mục tiêu Đại hội. Các vụ việc phức tạp về an ninh trật tự xảy ra trên địa bàn được giải quyết kịp thời, hiệu quả, không để bị động, bất ngờ, hình thành “điểm nóng”. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, công nghệ cao được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tạo sự chuyển biến rõ nét⁵⁰; tội phạm về trật tự xã hội hằng năm giảm từ 5% số vụ trở lên, kết quả điều tra khám phá án đạt tỉ lệ trên 80%. Đã hoàn thành xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp căn cước công dân gắn chip điện tử; hoàn thành việc bố trí Công an chính quy tại 100% xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh; 100% thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh đã thành lập Tổ bảo vệ an ninh trật tự cơ sở. Các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông được triển khai đồng bộ, quyết liệt; công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn được tăng cường; tai nạn cháy nổ, tai nạn giao thông được kéo giảm cả 3 tiêu chí về số vụ, số người bị thương và số người chết so với nhiệm kỳ 2015 - 2020.

4. Công tác đối ngoại, hợp tác và hội nhập quốc tế tiếp tục được mở rộng, từng bước đi vào chiều sâu

Quan hệ hợp tác giữa tỉnh Thanh Hóa với các tỉnh, thành phố, đối tác ở nước ngoài, các tổ chức quốc tế được mở rộng, nhất là với các quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam đã ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP...). Đã tăng cường và làm sâu sắc hơn mối quan hệ hợp tác với tỉnh Hòa Phăn (Nước CHDCND Lào); mở rộng quan hệ hợp tác hữu nghị với thành phố Seongnam (Hàn Quốc), tỉnh Mittelsachsen (CHLB Đức), tỉnh Farwaniyah (Cô Oét); thiết lập mới quan hệ hợp tác với tỉnh Niigata (Nhật Bản)...; tổ chức các đoàn công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến việc thiết lập quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành phố ở một số nước Châu Âu, Australia, New Zealand, Trung Quốc, Singapore...; phối hợp tổ chức thành công nhiều sự kiện đối ngoại lớn⁵¹. Công tác thông tin đối ngoại, ngoại giao văn hoá được thực hiện đạt kết quả tích cực. Đối ngoại Nhân dân được quan tâm, các tổ chức hữu nghị được củng cố, đổi mới hoạt động, chất lượng, hiệu quả được nâng lên.

Hoạt động hợp tác phát triển với các tỉnh, thành phố trong nước được quan tâm mở rộng, đi vào chiều sâu và hiệu quả, thiết thực hơn. Đã xây dựng và triển khai kế hoạch hợp tác phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh giai đoạn 2021 - 2025 với Thành phố Hà Nội; ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác phát triển giai đoạn 2022 - 2025 với tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh; ký thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2023 - 2025 với Thành phố Hồ Chí Minh. Tích cực tham gia, phối hợp

⁵⁰ Từ năm 2021 đến nay, đã triệt xóa một số tổ chức tín dụng đen hoạt động với quy mô liên tỉnh, đường dây đánh bạc “nghìn tỷ”, đường dây mua bán, vận chuyển ma túy lớn, các băng nhóm tội phạm lâu năm. Đã khởi tố 4.559 vụ, 9.133 bị can phạm tội về trật tự xã hội; khởi tố 487 vụ, 1.084 bị can phạm tội về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu và môi trường. Điều tra xử lý 2.335 vụ, 3.967 đối tượng; khởi tố 1.944 vụ, 3.486 đối tượng tội phạm và vi phạm pháp luật về ma túy. Vận động đầu thú, thanh loại 371 đối tượng truy nã.

⁵¹ Như: các hoạt động kỷ niệm 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hàn Quốc, 50 năm Việt Nam - Nhật Bản, Hội nghị hợp tác du lịch Việt Nam - Đài Loan lần thứ 10 tại tỉnh Thanh Hóa, Tuần lễ văn hóa hữu nghị Thanh Hóa - Hòa Phăn...

với các địa phương tăng cường liên kết vùng, nâng cao hiệu quả hoạt động Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

II. VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được triển khai toàn diện, hiệu quả; đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ được tăng cường; niềm tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, chỉ đạo, điều hành của chính quyền được nâng lên

1.1. Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức được chú trọng.

Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng luôn giữ vững bản lĩnh chính trị, chấp hành và thực hiện nghiêm các chủ trương, nghị quyết và nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quán triệt, triển khai các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng gắn với triển khai các chương trình, kế hoạch hành động của cấp ủy; nâng cao chất lượng xây dựng, hoạch định các chủ trương, nghị quyết, cơ chế, chính sách⁵² để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh, nhất là các chủ trương, nghị quyết, cơ chế, chính sách, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị. Coi trọng công tác giáo dục lý luận chính trị, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên để giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, lập trường, bản lĩnh chính trị, tính chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên; tăng cường xây dựng cấp ủy, tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh.

Các cấp ủy đảng đã kịp thời tổ chức học tập, quán triệt, triển khai, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương, của Tỉnh; tiếp tục đổi mới nội dung và hình thức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng theo hướng cụ thể, sát với nhiệm vụ chính trị và gắn với triển khai chương trình hành động của cấp ủy. Thực hiện hiệu quả công tác định hướng hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản; phát huy tốt vai trò của văn hóa, văn học, nghệ thuật trong công tác tư tưởng của Đảng. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, biên soạn biên niên sự kiện, lịch sử đảng bộ các cấp được quan tâm, nâng cao chất lượng. Hệ thống tuyên giáo từ tỉnh đến cơ sở được củng cố, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ⁵³. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được triển khai chủ động, bài bản, kịp thời, hiệu quả.

Công tác xây dựng Đảng về đạo đức đạt kết quả quan trọng, góp phần củng cố và phát huy giá trị đạo đức tốt đẹp, thái độ, hành vi chuẩn mực, tiên bộ của cán bộ, đảng viên. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tiếp tục được đẩy mạnh, gắn với thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên và những điều đảng viên không được làm, theo phương châm cán bộ chức vụ càng cao càng phải gương mẫu. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đã rà soát, bổ sung, xây dựng, hoàn thiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp,

⁵² Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025: Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành 19 nghị quyết, 15 quy định và quy chế, 28 chỉ thị, 75 chương trình, 240 kế hoạch, 3.502 kết luận.

⁵³ Trường Chính trị tỉnh được công nhận đạt chuẩn mức độ I; chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Trường Chính trị tỉnh và các trung tâm chính trị cấp huyện được nâng lên; đội ngũ báo cáo viên, giảng viên giảng dạy lý luận chính trị được củng cố, kiện toàn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ

đạo đức công vụ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; cụ thể hóa các tiêu chí của chuẩn mực đạo đức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế và thống nhất với các chuẩn mực đạo đức theo Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị “Về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới”. Qua đó, giúp cán bộ, đảng viên tự giác tu dưỡng, rèn luyện, “tự soi”, “tự sửa”, nâng cao đạo đức cách mạng, góp phần thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

1.2. Việc đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị được thực hiện đạt kết quả quan trọng

Tỉnh đã hoàn thành việc sáp nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa; sáp nhập, hợp nhất, giải thể 23 xã, phường, thị trấn để thành lập 11 xã, phường, thị trấn (giảm 12 đơn vị hành chính cấp xã) theo tinh thần Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 và Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong của các tổ chức trong hệ thống chính trị gắn với thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức⁵⁴ theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW. Toàn tỉnh đã giảm 02 đảng bộ và thành lập mới 02 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy⁵⁵; giảm 02 ban thuộc Tỉnh ủy và 11 đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh⁵⁶; giảm 06 sở và tương đương⁵⁷; giảm 08 chi cục và ban thuộc sở, 88 phòng thuộc ban, sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; giảm 126 ban, đoàn thể, phòng cấp huyện⁵⁸. Giảm 03 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh⁵⁹; giảm 269 đơn vị sự nghiệp trực thuộc ban, sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND cấp huyện; giảm 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc chi cục, 01 tổ chức tài chính thuộc chi cục, 51 phòng thuộc chi cục và tương đương. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, toàn

⁵⁴ Hoàn thành việc sắp xếp lại văn phòng và các phòng chuyên môn của Ủy ban Kiểm tra, các Ban của Tỉnh ủy theo đúng Quy định số 137-QĐ/TW ngày 01/12/2023 của Ban Bí thư “Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương”.

⁵⁵ Giảm Đảng bộ khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh và Đảng bộ huyện Đông Sơn; thành lập mới Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng bộ UBND tỉnh.

⁵⁶ Gồm: Ban Dân vận Tỉnh ủy hợp nhất với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh và 11 đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh (gồm: Đảng đoàn HĐND tỉnh, Đảng đoàn Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Đảng đoàn LĐLĐ tỉnh, Đảng đoàn Hội Nông dân tỉnh, Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh tỉnh, Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Đảng đoàn Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Ban cán sự đảng TAND tỉnh, Ban cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh).

⁵⁷ Gồm: Hợp nhất Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Văn phòng HĐND tỉnh; hợp nhất Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính; hợp nhất Sở Nội vụ và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; hợp nhất Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài nguyên và Môi trường; hợp nhất Sở Xây dựng và Sở Giao thông vận tải; hợp nhất Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Thông tin và Truyền thông.

⁵⁸ Mỗi huyện, thị xã, thành phố giảm 01 ban thuộc cấp ủy cấp huyện (sáp nhập Ban Tuyên giáo và Ban Dân vận); giảm 03 phòng thuộc UBND cấp huyện (giảm phòng y tế và sáp nhập 4 phòng thành 2 phòng); giảm 5 ban, 6 đoàn thể, 11 phòng do sáp nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa.

⁵⁹ Sáp nhập 02 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông số 1 và số 2; sáp nhập Trường Cao đẳng nghề Nông nghiệp và PTNT với Trường Cao đẳng Nông lâm; kết thúc hoạt động của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh.

tỉnh đã giảm được 420 biên chế công chức cấp tỉnh, cấp huyện⁶⁰ (có 97 người nghỉ hưu trước tuổi sau sắp xếp theo Nghị quyết số 18-NQ/TW⁶¹); giảm 4.278 biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Thực hiện chủ trương nhất thể hóa, kiêm nhiệm một số chức danh trong bộ máy các cấp từ tỉnh đến cơ sở⁶²; thành lập chi bộ quân sự, chi bộ công an ở 100% xã, phường, thị trấn theo quy định. Thực hiện việc giao, quản lý, sử dụng biên chế đúng nguyên tắc, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả⁶³.

1.3. Công tác củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng được tăng cường; số lượng và chất lượng đội ngũ đảng viên được nâng lên

Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện củng cố, sắp xếp các tổ chức cơ sở đảng đồng bộ, phù hợp với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; chuyển giao 43 tổ chức cơ sở đảng từ Đảng bộ Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh về trực thuộc các huyện, thị, thành ủy và 38 tổ chức cơ sở đảng tại các đơn vị thành viên, chi nhánh, văn phòng đại diện của một số doanh nghiệp, ngân hàng trực thuộc các đảng bộ địa phương về trực thuộc Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương; rà soát, kiện toàn, sắp xếp lại các tổ chức đảng ở các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ⁶⁴. Chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, sinh hoạt chi bộ, giữ vững các nguyên tắc, quy định của Đảng, phù hợp với từng địa bàn, đơn vị, phát huy vai trò của cấp ủy, chi bộ trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị. Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên bình quân hằng năm đạt trên 95%, vượt mục tiêu Đại hội.

Công tác phát triển đảng viên đạt kết quả nổi bật; đã kết nạp 28.535 đảng viên mới, gấp 1,9 lần mục tiêu Đại hội; số lượng đảng viên mới là học sinh, sinh viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang tăng nhanh, chất lượng đảng viên được nâng lên⁶⁵.

1.4. Công tác cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ được thực hiện theo đúng quy định, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ

Tỉnh ủy đã ban hành và triển khai thực hiện Kết luận số 934-KL/TU ngày 05/9/2022 “Về tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”. Chỉ đạo các cấp ủy

⁶⁰ Gồm: giảm 25 lãnh đạo ban, sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; giảm 207 lãnh đạo cấp phòng và giảm 188 công chức khác thuộc các ban, sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và cấp huyện.

⁶¹ Gồm: 07 lãnh đạo ban, sở, ngành (02 khối đảng, 05 khối chính quyền); 25 lãnh đạo cấp phòng thuộc ban, sở, ngành cấp tỉnh (02 khối đảng, 23 khối chính quyền); cấp huyện 65 người (khối đảng 26, khối chính quyền 39).

⁶² **Ở cấp tỉnh:** Giai đoạn 2020 - 2024, đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban MTTQ tỉnh. **Ở cấp huyện:** Có 01 huyện đồng chí Bí thư Huyện ủy kiêm Chủ tịch UBND huyện; giai đoạn 2020 - 2024, 27/27 huyện, thị xã, thành phố bố trí đồng chí thường vụ cấp ủy trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch ủy ban MTTQ cấp huyện; 27/27 huyện, thị, thành phố bố trí trưởng ban tuyên giáo kiêm giám đốc trung tâm chính trị cấp huyện. **Ở thôn, tổ dân phố và tương đương:** Toàn tỉnh có 1.438/4.352 (đạt 33%) bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố kiêm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; 100% bí thư chi bộ kiêm trưởng phòng ở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Toàn tỉnh có 100% bí thư hoặc phó bí thư thường trực cấp ủy cấp huyện, cấp xã kiêm chủ tịch HĐND cùng cấp.

⁶³ Đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức khối cơ quan Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội giai đoạn 2022 - 2026, làm cơ sở để xác định và giao chỉ tiêu biên chế, gắn với tinh giản biên chế.

⁶⁴ Đến nay, toàn tỉnh có 1.391 tổ chức cơ sở đảng (gồm 954 đảng bộ cơ sở, 437 chi bộ cơ sở), giảm 71 tổ chức cơ sở đảng so với đầu nhiệm kỳ 2020 - 2025.

⁶⁵ Trong đó, đã rà soát, sàng lọc đưa ra khỏi Đảng 1.552 đảng viên.

rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản, quy định, quy chế về công tác cán bộ để phù hợp với các quy định mới của Trung ương và tình hình thực tế; rà soát, khắc phục, xử lý những thiếu sót trong công tác cán bộ theo Kết luận số 27-KL/TW ngày 21/02/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch lấy phiếu tín nhiệm đối với cán bộ giữ chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị theo Quy định số 96-QĐ/TW ngày 02/02/2023 của Bộ Chính trị.

Công tác đánh giá cán bộ được đổi mới mạnh mẽ theo hướng gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ và sản phẩm cụ thể, bám sát các tiêu chuẩn, tiêu chí đối với từng chức danh, vị trí làm việc⁶⁶. Công tác quy hoạch cán bộ có sự đổi mới, đảm bảo sự liên thông, “động” và “mở”; chất lượng nguồn quy hoạch được nâng lên⁶⁷. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được chú trọng⁶⁸. Công tác điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử được thực hiện đúng quy trình, quy định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, khắc phục được tư tưởng cục bộ, khép kín trong công tác cán bộ⁶⁹; cơ bản bố trí các chức danh chủ chốt cấp huyện, cấp xã không phải là người địa phương⁷⁰. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định⁷¹. Thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, đảng viên đi học tập, công tác nước ngoài. Các chính sách cán bộ được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

1.5. Công tác kiểm tra, giám sát được chú trọng; kỷ luật, kỷ cương của Đảng được tăng cường, góp phần phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý nghiêm vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên

Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện hoàn thành các chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa, hằng năm và các nhiệm vụ theo chỉ đạo của cấp trên. Nội dung kiểm tra, giám sát bám sát nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, nhiệm vụ chính trị của tổ chức đảng, đảng viên và có trọng tâm, trọng điểm⁷². Chủ động phát hiện và kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; xem xét, kết luận và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ

⁶⁶ Trong nhiệm kỳ có 95% cán bộ lãnh đạo, quản lý được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

⁶⁷ Từ năm 2020 đến nay, toàn tỉnh đã có 33.415 lượt cán bộ được đưa vào quy hoạch; giới thiệu 01 đồng chí quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; đề nghị phê duyệt quy hoạch chức danh Bí thư Tỉnh ủy cho 06 lượt cán bộ; chức danh phó bí thư, chủ tịch Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân cho 28 lượt cán bộ.

⁶⁸ Từ năm 2020 đến nay, toàn tỉnh đã cử 1.472 lượt cán bộ tham gia các lớp đào tạo về chuyên môn; cử 3.605 lượt cán bộ tham gia các lớp đào tạo về lý luận chính trị; mở 1.009 lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho 98.269 lượt cán bộ.

⁶⁹ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã điều động, bổ nhiệm, luân chuyển 612 lượt cán bộ (thuộc thẩm quyền Ban Thường vụ Tỉnh ủy 84 lượt cán bộ); đã bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử 11.921 đồng chí (228 đồng chí thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý).

⁷⁰ Toàn tỉnh đã bố trí 24/27 bí thư, 22/27 chủ tịch UBND cấp huyện không phải người địa phương; 550/558 xã, phường, thị trấn (98,56%) thực hiện bố trí ít nhất đồng chí bí thư hoặc chủ tịch UBND không là người địa phương.

⁷¹ Từ năm 2020 đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp huyện đã thẩm định, kết luận tiêu chuẩn chính trị cho 94.120 trường hợp.

⁷² Trong đó, đã chú trọng kiểm tra việc xây dựng và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc; việc lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục, sửa chữa những hạn chế, khuyết điểm sau kiểm điểm, tự phê bình và phê bình; việc thực hiện các chương trình trọng tâm, khâu đột phá theo nghị quyết đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025; việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; công tác cán bộ, quản lý, sử dụng đất đai, tài chính, ngân sách; thực hiện các dự án đầu tư; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; công tác quân sự - quốc phòng; việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh...

chức kiểm điểm và chỉ đạo các tổ chức đảng, đảng viên tiến hành kiểm điểm, khắc phục những khuyết điểm, vi phạm theo kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương⁷³.

Trong nhiệm kỳ, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đã kiểm tra 6.766 tổ chức đảng cấp dưới và 18.992 đảng viên; giám sát 7.397 tổ chức đảng và 21.951 đảng viên. Ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra 100 tổ chức đảng và 2.938 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm (có 790 cấp ủy viên), kết luận 66 tổ chức đảng và 2.664 đảng viên có vi phạm. Cấp có thẩm quyền đã thi hành kỷ luật 47 tổ chức đảng, với các hình thức kỷ luật: khiển trách 36, cảnh cáo 11; thi hành kỷ luật 3.789 đảng viên có vi phạm, với các hình thức kỷ luật: khiển trách 2.765, cảnh cáo 480, cách chức 63, khai trừ 481. Qua công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng đã góp phần quan trọng trong việc giáo dục, cảnh tỉnh, phòng ngừa sai phạm, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

1.6. Công tác dân vận của hệ thống chính trị tiếp tục có nhiều đổi mới, mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân ngày càng mật thiết

Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng đã cụ thể hóa, xây dựng, triển khai nhiều chủ đề công tác dân vận hằng năm thiết thực, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế. Phong trào thi đua “Dân vận khéo” được triển khai sâu rộng với nhiều hình thức, cách làm hiệu quả, gắn với tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia các phong trào thi đua, các cuộc vận động thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Thanh Hóa là tỉnh đi đầu trong phát động và thực hiện Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trong 02 năm 2024 - 2025.

Công tác dân vận chính quyền được tập trung chỉ đạo thực hiện và đạt được kết quả nổi bật; mô hình “Chính quyền thân thiện, vì Nhân dân phục vụ” được nhân rộng tại hơn 500 xã, phường, thị trấn và triển khai thí điểm tại 5 huyện, thành phố, góp phần xây dựng tác phong, phong cách của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo phương châm “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”, tạo được lòng tin trong Nhân dân. Công tác dân vận trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng đồng bào có đạo được quan tâm; nắm chắc tình hình dân tộc, tôn giáo, giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề phát sinh.

Các cấp ủy đảng, chính quyền đã tập trung triển khai Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò đại diện Nhân dân trong tham gia giám sát các hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp, nhất là những hoạt động liên quan trực tiếp đến quyền lợi của Nhân dân; phát huy vai trò, trách nhiệm của Ban Chỉ đạo xây dựng cơ sở và thực hiện quy chế dân chủ các cấp; thực hiện tốt công tác hoà giải trong nội bộ Nhân dân, góp phần giải quyết những mâu thuẫn nảy sinh từ cơ sở.

1.7. Công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đạt kết quả tích cực

Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác nội chính, phòng chống

⁷³ Tại Thông báo số 388-TB/UBKTTW ngày 05/12/2022 và Thông báo số 485-TB/UBKTTW ngày 27/6/2023.

tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và cải cách tư pháp. Chỉ đạo các cơ quan chức năng nắm chắc tình hình, chủ động giải quyết và tham mưu giải quyết có hiệu quả các vấn đề phức tạp, phát sinh liên quan đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; đẩy mạnh cải cách tư pháp, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, bảo đảm đúng pháp luật, hạn chế thấp nhất sai sót trong hoạt động tố tụng. Công tác tiếp dân và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo được chú trọng thực hiện ngay từ cơ sở; trách nhiệm, chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo được nâng lên, nhiều vụ việc khiếu kiện kéo dài, phức tạp đã được giải quyết dứt điểm.

Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Thanh Hóa là một trong những tỉnh sớm thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cấp tỉnh; quan tâm xây dựng, hoàn chỉnh các thể chế quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm công khai, minh bạch, chủ động phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng; thực hiện nghiêm việc kê khai tài sản của cán bộ, công chức theo quy định; tăng cường chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, xử lý hành vi tham nhũng; rà soát, đưa các vụ án tham nhũng phức tạp, dư luận xã hội quan tâm vào diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh theo dõi, chỉ đạo xử lý đạt hiệu quả cao⁷⁴. Cơ quan chức năng đã khởi tố, điều tra 91 vụ, 243 bị can về tội tham nhũng, chức vụ; kết thúc điều tra đề nghị truy tố 69 vụ, 178 bị can; đã xét xử 19 vụ, 39 bị cáo; thu hồi 70,64 tỉ đồng liên quan đến tham nhũng, chức vụ.

1.8. Phương thức lãnh đạo của Đảng tiếp tục được đổi mới

Tỉnh ủy và các cấp ủy, tổ chức đảng đã tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng, năng lực thể chế hóa, cụ thể hóa và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Đảng; đổi mới công tác xây dựng, ban hành nghị quyết, chỉ thị, kết luận của cấp ủy theo hướng cụ thể, thiết thực, có tính dự báo và tính khả thi cao; đồng thời dành nhiều thời gian lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết những vấn đề phát sinh, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với chính quyền và hệ thống chính trị được tăng cường, trên cơ sở bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc, phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể và tính chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của cá nhân, nhất là người đứng đầu. Việc đổi mới phong cách, phương pháp công tác, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ tỉnh đến cơ sở có nhiều tiến bộ, vừa đảm bảo tính toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm; sớm ban hành và triển khai thực hiện quy chế làm việc bảo đảm thống nhất, đồng bộ, quy định chặt chẽ nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ, quy trình công tác, khắc phục tình trạng bao biện, làm thay, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, áp đặt hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của cấp ủy. Cải cách hành chính trong các cơ quan Đảng được quan tâm; ứng dụng công nghệ thông tin trong gửi, nhận văn bản, lưu trữ, tổ chức hội nghị, xử lý hồ sơ công việc, quản lý đảng viên... được đẩy mạnh, gắn với chuẩn hóa quy trình, đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục, bảo đảm nhanh chóng, chính xác, hiệu quả.

⁷⁴ Ban Chỉ đạo tỉnh đã đưa 20 vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực vào diện theo dõi, chỉ đạo. Đến nay, đã giải quyết xong và đưa ra khỏi diện theo dõi chỉ đạo đối với 13 vụ việc, vụ án; còn 07 vụ (02 vụ việc, 05 vụ án) đang chỉ đạo tập trung xác minh, điều tra xử lý theo quy định.

2. Công tác xây dựng chính quyền

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh đã thể hiện vai trò, trách nhiệm trong các hoạt động của Quốc hội; tích cực thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng các dự án luật và tham gia quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; tăng cường hoạt động giám sát theo chuyên đề, tập trung vào những ngành, lĩnh vực cử tri quan tâm; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động tiếp xúc cử tri; thực hiện tốt hoạt động tiếp công dân của các đại biểu Quốc hội; duy trì thực hiện tốt công tác phối hợp hoạt động với Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh trong tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

Hoạt động của HĐND tỉnh và HĐND các cấp tiếp tục được đổi mới, nâng cao chất lượng, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Chất lượng các kỳ họp được nâng lên, tăng thời lượng phản biện, tranh luận tại các kỳ họp; ngoài các kỳ họp thường lệ, đã tổ chức nhiều kỳ họp chuyên đề để giải quyết các vấn đề mới, cấp bách, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công tác giám sát việc triển khai các nghị quyết của HĐND được tăng cường. Thực hiện có hiệu quả hoạt động tiếp xúc cử tri, phản ánh kịp thời những kiến nghị của cử tri và Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Hầu hết đại biểu HĐND các cấp đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm trước Nhân dân và cử tri.

Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của UBND tỉnh và UBND các cấp tiếp tục được nâng lên; đã tập trung cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương, nghị quyết, văn bản chỉ đạo của cấp ủy và HĐND cùng cấp. Chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh; xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; chú trọng công tác ủy quyền, rút ngắn thời gian xử lý, giải quyết hồ sơ, góp phần tiết kiệm chi phí, thời gian cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp; đẩy mạnh hoạt động đầu tư công; thực hiện tốt nhiệm vụ thu, chi ngân sách. Chỉ đạo thực hiện linh hoạt, hiệu quả công tác phòng, chống đại dịch Covid-19; tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc; nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa; thực hiện tốt công tác bảo đảm an sinh xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính và xây dựng chính quyền điện tử; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, quản lý, điều hành, thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

3. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục được đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở; nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên và Nhân dân; triển khai sâu rộng, hiệu quả các phong trào thi đua, cuộc vận động; nhiều mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả được xây dựng, nhân rộng, tạo được sức lan tỏa rộng khắp trong xã hội. Chủ động phối hợp với các cấp, các ngành nắm chắc tình hình, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên, Nhân dân; tăng cường huy động nguồn lực xã hội và tổ chức các hoạt

động cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, xây dựng nhà ở cho đồng bào sinh sống trên sông, hộ nghèo, gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở. “Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân” được tổ chức sâu rộng ở các khu dân cư, có tác dụng tích cực, góp phần tiếp tục củng cố, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân.

Hoạt động giám sát và phản biện xã hội ngày càng thiết thực, hiệu quả; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh đã thực hiện 18.097 cuộc giám sát, 4.450 cuộc góp ý, phản biện vào dự thảo các nghị quyết của HĐND, các chương trình, dự án, kế hoạch của UBND các cấp; tham gia giải quyết các vấn đề nổi cộm, bức xúc, góp phần bảo đảm ổn định tình hình cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Công tác củng cố, xây dựng tổ chức hội và phát triển đoàn viên, hội viên được quan tâm thực hiện; tập trung xây dựng, củng cố chi hội, chi đoàn hoạt động yếu kém, vận động thành lập tổ chức đảng, đoàn thể, phát triển đoàn viên, hội viên trong các doanh nghiệp; tỉ lệ tập hợp đoàn viên, hội viên được nâng lên⁷⁵.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG TÂM VÀ CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

Các chương trình trọng tâm, khâu đột phá đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX sớm được ban hành và xây dựng kế hoạch thực hiện; đã xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và cụ thể hóa thành các đề án, dự án, cơ chế, chính sách, nội dung công việc để triển khai theo từng năm; thành lập các ban chỉ đạo và phân công trách nhiệm cụ thể trong tổ chức thực hiện. Nhờ đó, đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào thực hiện các mục tiêu Nghị quyết đề ra, cụ thể như sau:

1. Về thực hiện 08 chương trình trọng tâm

1.1. Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đạt kết quả khá toàn diện; có 08/10 chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch. Nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; tập trung, tích tụ đất đai để tổ chức sản xuất tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao. Xây dựng nông thôn mới phát triển đi vào chiều sâu, có nhiều sáng tạo, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của đại bộ phận người dân nông thôn; số lượng xã đạt chuẩn nông thôn mới của tỉnh thuộc nhóm dẫn đầu cả nước⁷⁶.

1.2. Chương trình phát triển Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp đóng góp quan trọng vào thu hút đầu tư, tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách nhà nước. Giai đoạn 2021 - 2025, Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp đã thu hút được 179 dự án đầu tư trực tiếp (có 41 dự án FDI) với tổng vốn đăng ký đầu tư 104.878 tỉ đồng và 613 triệu USD; thu ngân sách nhà nước ước đạt 123.501 tỉ đồng,

⁷⁵ Trong đó: Hội Cựu chiến binh đạt 98%, Hội Liên hiệp Phụ nữ đạt 82%, Hội Nông dân đạt 95,5%, Đoàn Thanh niên đạt 70%, Liên đoàn Lao động đạt 95%.

⁷⁶ Về số lượng xã đạt chuẩn: Nông thôn mới xếp sau TP. Hà Nội; nông thôn mới nâng cao xếp sau tỉnh Nam Định và TP. Hà Nội; nông thôn mới kiểu mẫu xếp sau TP. Hà Nội, TP. Hải Phòng, các tỉnh Quảng Ninh, Hà Nam.

chiếm 52,8% tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; đã hoàn thành đi vào hoạt động một số dự án quy mô lớn, có tác động lớn đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh⁷⁷.

1.3. Chương trình phát triển du lịch tạo được sự chuyển biến tích cực về chất lượng và loại hình dịch vụ, thu hút đông đảo du khách đến thăm quan, nghỉ dưỡng tại tỉnh; có 02/11 nhóm chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch. Một số dự án trùng tu, bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá đã hoàn thành⁷⁸; sản phẩm, dịch vụ du lịch phát triển theo hướng chuyên nghiệp, bước đầu hình thành được một số sản phẩm du lịch cao cấp; sản phẩm du lịch sinh thái cộng đồng đã có được thị phần với sức hút riêng đối với du khách, từng bước đưa Thanh Hóa trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn về du lịch của khu vực và cả nước.

1.4. Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi được triển khai đồng bộ trên các lĩnh vực; có 11/14 nhóm chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch, góp phần tích cực vào công tác đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo, cải thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội⁷⁹ ở khu vực miền núi; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

1.5. Chương trình nâng cao chất lượng văn hóa: Có 08/14 chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch⁸⁰. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa được tăng cường; từ đầu nhiệm kỳ đến nay, đã có hơn 200 lượt di tích/dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi và tôn tạo di tích được quyết định, thực hiện đầu tư. Công tác xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh được triển khai sâu rộng ở các nhà trường, cộng đồng dân cư, cơ quan, doanh nghiệp. Chất lượng, hiệu quả hoạt động phát thanh, truyền hình, báo chí, xuất bản, văn học, nghệ thuật được nâng lên.

1.6. Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục: Có 09/10 nhóm chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch. Đội ngũ nhà giáo từng bước được tăng cường về số lượng, nâng cao về chất lượng; tỉ lệ cán bộ quản lý và giáo viên có trình độ đạt chuẩn ước đạt 98,8%. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư theo hướng đạt chuẩn quốc gia. Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên; giáo dục

⁷⁷ Như: Nhiệt điện Nghi Sơn 2; Nhà máy luyện cán thép giai đoạn 2; Nhà máy giấy Miza; Nhà máy xi măng Đại Dương 1; Dây chuyền 3 - Nhà máy xi măng Long Sơn; Nhà máy sấm lốp ô tô Radial...

⁷⁸ Như: Khu Lăng mộ Triết Vương Trịnh Tùng, Di tích lịch sử văn hóa Nghè Vẹt (huyện Vĩnh Lộc); Trận địa pháo đồi C4 - Khu di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng (thành phố Thanh Hoá); Đền thờ Trung Túc Vương Lê Lai (huyện Ngọc Lặc); Chính điện - Khu Di tích lịch sử Lam Kinh (huyện Thọ Xuân)... Các dự án tu bổ, tôn tạo di tích đang triển khai thực hiện: Dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu Lăng Miếu Triệu Tường (huyện Hà Trung); tôn tạo di tích Phủ Trịnh (huyện Vĩnh Lộc); gia cố, chống đỡ cấp thiết các đoạn tường thành đá có nguy cơ sập, sạt lở thuộc Di sản văn hóa Thế giới Thành Nhà Hồ (huyện Vĩnh Lộc)... Một số di tích đang hoàn thiện thủ tục đầu tư để thực hiện: Bảo tồn, phục hồi, tôn tạo một số hạng mục công trình thuộc khu vực Thành nội Di sản văn hóa Thế giới Thành Nhà Hồ (Nhóm dự án số 3, GD 1); tu bổ, phục hồi, tôn tạo các hạng mục công trình Khu di tích quốc gia đặc biệt Lam Kinh...

⁷⁹ Đến nay tỉ lệ đường ô tô đến trung tâm thôn, bản được cứng hóa đạt 100%; 100% thôn, bản có điện lưới quốc gia; 100% trường, lớp học được xây dựng kiên cố; 95% thôn, bản có nhà văn hóa - khu thể thao

⁸⁰ Như: Chỉ tiêu về gia đình văn hóa; chỉ tiêu về xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp kiểu mẫu; chỉ tiêu về danh hiệu làng, thôn, bản, tổ dân phố văn hóa (khu dân cư văn hóa); chỉ tiêu về cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; chỉ tiêu về tỉ lệ di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc được kiểm kê, phân loại; chỉ tiêu về tỉ lệ thôn, bản có nhà văn hóa, khu thể thao; chỉ tiêu về số cán bộ văn hóa cấp huyện có trình độ đại học trở lên.

mũi nhọn tiếp tục được duy trì trong nhóm 6 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước; hằng năm đều có học sinh đoạt huy chương trong các kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế.

1.7. Chương trình nâng cao chất lượng y tế: Có 11/13 chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch. Chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân được nâng lên; nhiều kỹ thuật mới, tiên tiến đã được Trung ương chuyển giao thành công tại các bệnh viện tuyến tỉnh; nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật vượt tuyến đã thực hiện thành công tại các đơn vị y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện. Năng lực, hiệu quả công tác y tế dự phòng được nâng lên; các dịch bệnh truyền nhiễm được kiểm soát tốt, đặc biệt là dịch bệnh COVID-19. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các cơ sở y tế công lập được quan tâm đầu tư nâng cấp, cải tạo, hiện đại hóa.

1.8. Chương trình nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng; tạo chuyển biến rõ nét trong sắp xếp tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ đạt kết quả tích cực: Có 10/12 chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch. Hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng có chuyển biến cả về nội dung, phương thức, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu; tỉ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm luôn vượt mục tiêu Đại hội. Tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị được sắp xếp tinh gọn, gắn với tinh giảm biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên.

2. Về thực hiện các khâu đột phá

2.1. Khâu đột phá về đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện: Có 05/06 nhóm chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch; các chỉ số phản ánh kết quả cải cách hành chính đạt thứ hạng cao hơn so với đầu nhiệm kỳ⁸¹. Nhiều cơ chế, chính sách về ưu đãi, hỗ trợ, thu hút đầu tư được xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện; nhiều khó khăn, vướng mắc về thể chế, thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng, kết cấu hạ tầng... được chỉ đạo giải quyết, tạo thuận lợi cho thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh.

2.2. Khâu đột phá về phát triển hạ tầng được quan tâm chỉ đạo thực hiện từ nhiều nguồn vốn và bằng nhiều hình thức đầu tư: Có 05/19 nhóm chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch. Nhiều công trình hạ tầng quan trọng được đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng; nhiều công trình tiếp tục được đầu tư theo quy hoạch. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, hiện đại⁸², tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện điều kiện sống cho người dân trong tỉnh.

⁸¹ Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) năm 2023 của tỉnh xếp thứ 13 cả nước, tăng 11 bậc so với năm 2020; Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) xếp thứ 25 cả nước, tăng 4 bậc; Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) xếp thứ 13 cả nước, tăng 16 bậc.

⁸² Giai đoạn 2021 - 2025, dự kiến đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo 709,7 km đường quốc lộ, đường tỉnh, các tuyến đường lớn, quan trọng; Cảng hàng không Thọ Xuân đã được đưa quy hoạch thành Cảng hàng không quốc tế; Cảng biển Thanh Hóa được Thủ tướng Chính phủ quy hoạch tiềm năng trở thành cảng đặc biệt. Đã đầu tư nâng cấp, xây dựng mới 114 công trình hồ chứa, 57 đập dâng, 19 trạm bơm, 62 tuyến kênh; đầu tư, nâng cấp, sửa chữa 115,12 km đê; làm mới, tu sửa 60 cống dưới đê và 34,03 km kè. Hệ thống lưới điện, viễn thông được đầu tư từng bước hoàn thiện; 100% số xã trên địa bàn tỉnh có điện lưới quốc gia; 100% trung tâm các xã, phường, thị trấn đã được phủ sóng viễn thông, Internet...

2.3. Khâu đột phá về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ; chủ động, tích cực tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư được quan tâm triển khai, đóng góp tích cực vào nâng cao năng suất lao động, phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững: Có 11/18 nhóm chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch. Năng lực khoa học - công nghệ của tỉnh được nâng lên⁸³; nhiều mô hình sản xuất tiên tiến được xây dựng, các công nghệ, kỹ thuật mới được chuyển giao, mang lại hiệu quả thiết thực.

Những thành tựu, kết quả quan trọng đạt được trong nhiệm kỳ 2020-2025 là do có sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành linh hoạt, sáng tạo, kịp thời của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng, chính quyền; sự chủ động trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện một số chủ trương, cuộc vận động phù hợp với thực tiễn cuộc sống, tạo thành phong trào thi đua rộng lớn trong toàn tỉnh; cùng với sự vào cuộc, tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; sự đồng thuận, ủng hộ, chủ động, nỗ lực, cố gắng của các tầng lớp Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp. Đồng thời, là nhờ có sự chỉ đạo, hỗ trợ, giúp đỡ của Trung ương, nhất là trong giải quyết những bất cập, điểm nghẽn về thể chế; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; bổ sung, điều chỉnh, ban hành mới nhiều cơ chế, chính sách đúng đắn, kịp thời để tháo gỡ khó khăn, phục hồi, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội sau đại dịch Covid 19 và ban hành một số chính sách đặc thù, các chính sách hỗ trợ đối với các vùng nghèo, địa phương nghèo, trong đó có Thanh Hóa.

B. HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

I. HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại

1.1. Còn 04 chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra không đạt kế hoạch (gồm: Tốc độ tăng trưởng GRDP; GRDP bình quân đầu người; tổng huy động vốn đầu tư phát triển; cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP). Chất lượng tăng trưởng kinh tế còn thấp; năng suất lao động xã hội thấp hơn bình quân cả nước.

Vai trò của một số trung tâm kinh tế động lực, trụ cột tăng trưởng, hành lang kinh tế còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu, chưa tạo được đột phá, sức lan tỏa lớn thúc đẩy các vùng, các khu vực và cả tỉnh phát triển.

Tái cơ cấu ngành nông nghiệp còn chậm; sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp chưa nhiều; sản phẩm nông nghiệp sạch, đặc sản có sản lượng chưa đủ lớn để chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước; việc quảng bá, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ và nâng hạng cho các sản phẩm OCOP còn hạn chế.

Sản xuất công nghiệp chưa có nhiều sản phẩm mới; khả năng cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp truyền thống còn thấp, sản lượng sản xuất có xu hướng

⁸³ Trên địa bàn tỉnh hiện có 38 tổ chức khoa học - công nghệ và 32 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học - công nghệ, đứng thứ 4 cả nước; số cán bộ nghiên cứu khoa học của tỉnh tăng từ 4.035 người/người/1 vạn dân (năm 2021) lên 5.025 người/1 vạn dân (năm 2024), số cán bộ nghiên cứu toàn thời gian tương đương (FTE) được quy đổi là 1839 người, đạt tỉ lệ: 4,9 người/vạn dân.

giảm; nhiều dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng triển khai rất chậm; chưa thu hút thêm được nhiều dự án FDI, dự án công nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao để tạo động lực phát triển cho giai đoạn tiếp theo.

Tổ chức lập một số quy hoạch, nhất là quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết đô thị, quy hoạch chung xây dựng xã... còn chậm; chất lượng một số đồ án quy hoạch còn thấp, tính đồng bộ, kết nối giữa các quy hoạch còn hạn chế; vi phạm quy hoạch xây dựng, trật tự xây dựng còn xảy ra.

Các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao như tài chính, ngân hàng, công nghệ số, vận tải biển, logistics... phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; sản phẩm du lịch chưa đa dạng, chưa khắc phục được tính mùa vụ; sản phẩm xuất khẩu chủ yếu vẫn là sản phẩm thô, hàng gia công, chưa có nhiều sản phẩm xuất khẩu có hàm lượng công nghệ cao, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

1.2. Tiến độ triển khai một số dự án sản xuất công nghiệp lớn, trọng điểm⁸⁴, các dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp⁸⁵, cụm công nghiệp⁸⁶, các dự án hạ tầng thương mại, du lịch⁸⁷ rất chậm. Việc bố trí vốn đầu tư công chưa thực sự tập trung; công tác giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư ở một số địa phương còn chậm, chưa bố trí đủ vốn đối ứng theo cam kết; tiến độ chuẩn bị hồ sơ, thủ tục đầu tư, triển khai thực hiện một số dự án còn chậm⁸⁸; chất lượng chuẩn bị đầu tư nhiều dự án hạn chế; giải ngân vốn sự nghiệp các chương trình mục tiêu quốc gia chậm, hiệu quả sử dụng vốn chưa cao.

1.3. Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh có mặt còn hạn chế; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đạt thấp so với mục tiêu, yêu cầu đề ra; nhiều khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn chậm được giải quyết, nhất là trong tiếp cận đất đai, giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, tính tiền sử dụng đất, nguồn lao động kỹ thuật cao.

Hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp chậm được cải thiện, chi phí sản xuất còn cao; thiếu doanh nghiệp giữ vai trò đầu tàu, dẫn dắt; kinh tế hợp tác, hợp tác xã phát triển chậm, hiệu quả thấp. Việc xử lý cơ sở nhà, đất, tài sản công dôi dư sau sáp nhập đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp còn chậm.

1.4. Kết cấu hạ tầng, nhất là ở khu vực miền núi còn thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Chất lượng phát triển đô thị chưa cao; tiến độ thực hiện nhiều khu đô thị còn chậm, đầu tư dờ dang, thiếu đồng bộ, hiện đại. Việc duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới tại một số địa phương còn hạn chế.

⁸⁴ Như: Nhà máy xi măng Đại Dương; Dây chuyền 3 Nhà máy Xi măng Long Sơn; Tổ hợp sản xuất hóa chất Đức Giang - Nghi Sơn...

⁸⁵ Như: KCN Lam Sơn - Sao Vàng, KCN Đồng Vàng, KCN số 3 trong Khu Kinh tế Nghi Sơn...

⁸⁶ Như: CCN Đông Vần; CCN Xuân Hòa; CCN Thượng Ninh; CCN Điền Trung; CCN Xuân Lai; CCN phía Đông Bắc thành phố Thanh Hóa; CCN Tư Sy; CCN Cẩm Sơn; CCN số 2 Vạn Hà; CCN Thọ Minh...

⁸⁷ Như: Khu du lịch sinh thái Tân Dân; Khu đô thị nghỉ dưỡng khoáng nóng tại xã Quảng Yên; Sân golf tại xã Quảng Nham...

⁸⁸ Nhất là tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thanh Hóa và các dự án thuộc lĩnh vực văn hóa...

1.5. Đóng góp của khoa học - công nghệ, chuyển đổi số vào phát triển kinh tế - xã hội còn thấp; chất lượng, hiệu quả của các đề tài, nhiệm vụ khoa học chưa cao. Chất lượng hoạt động văn hóa chưa đồng đều giữa các vùng, miền; cơ sở vật chất, hệ thống các thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở còn thiếu, chưa đồng bộ. Một số dự án trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa trọng điểm triển khai chậm. Đội ngũ nhà giáo còn bất cập về cơ cấu; vẫn còn tình trạng thiếu giáo viên ở các cấp học, nhất là giáo viên tiểu học, giáo viên dạy các môn Anh Văn, Tin học; tình trạng mù chữ, tái mù ở khu vực miền núi còn xảy ra. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học khu vực miền núi chưa đáp ứng yêu cầu. Nhiều doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong tuyển dụng lao động, nhất là lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, tay nghề cao; công tác đào tạo ở một số cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp chưa đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính trong các bệnh viện công lập còn khó khăn. Chất lượng hệ thống y tế cơ sở còn thấp. Việc thanh toán, quyết toán chi phí khám, chữa bệnh BHYT còn vướng mắc, chưa được giải quyết triệt để. Vi phạm về hành nghề y dược tư nhân còn xảy ra.

Đời sống của một bộ phận người dân ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa còn khó khăn. Kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao. Số lượng hộ nghèo, hộ còn khó khăn về nhà ở vẫn còn lớn. Tốc độ gia tăng người tham gia BHXH, BHTN chậm; tình trạng nợ đóng, chậm đóng bảo hiểm trong các doanh nghiệp còn cao. Đình công, nghỉ việc tập thể, tai nạn lao động còn xảy ra.

1.6. Nhiều vướng mắc về đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chậm được giải quyết. Tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, sai thiết kế, ngoài vị trí mốc giới, giá bán thực tế cao hơn giá công bố của Nhà nước còn diễn ra. Tình trạng ô nhiễm môi trường do sản xuất, chăn nuôi còn xảy ra ở một số địa phương, doanh nghiệp. Hạ tầng xử lý rác thải sinh hoạt ở hầu hết các địa phương còn thiếu; tiến độ triển khai thực hiện nhiều dự án thu gom, xử lý rác thải chậm.

1.7. Việc đầu tư xây dựng một số công trình phòng thủ, công trình chiến đấu, nhất là công trình chiến đấu cấp huyện còn chậm. An ninh tuyến biên giới, tuyến biển và một số địa bàn trọng điểm còn tiềm ẩn yếu tố gây mất ổn định. Tội phạm ma túy, tội phạm công nghệ cao, tội phạm lừa đảo, “tín dụng đen” vẫn còn diễn biến phức tạp. Tình trạng xuất cảnh ra nước ngoài lao động trái phép, hoạt động tôn giáo trái pháp luật còn diễn ra ở một số địa phương. Một số vụ việc khiếu kiện phức tạp chậm được giải quyết triệt để; khiếu kiện đông người còn xảy ra. Tai nạn giao thông, cháy nổ vẫn ở mức cao, gây thiệt hại lớn về người và tài sản.

1.8. Hoạt động đối ngoại, hợp tác và hội nhập quốc tế có mặt còn hạn chế; liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong nước và nước ngoài chưa đi vào chiều sâu, thực chất; chưa có cơ chế, chính sách liên kết giữa các tỉnh trong vùng trong việc hợp tác phát triển kinh tế và giải quyết những vấn đề liên tỉnh, liên quan đến nhiều địa phương.

2. Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

2.1. Công tác nắm tình hình tư tưởng và giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên của một số cấp ủy, tổ chức đảng còn hạn chế. Định hướng thông tin, tuyên truyền có lúc, có việc chưa kịp thời, hiệu quả. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh có nơi còn hình thức, chưa gắn với giải quyết những vấn đề nổi cộm, bức xúc ở địa phương, đơn vị, cơ sở.

2.2. Vẫn còn tổ chức cơ sở đảng yếu kém, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu suy giảm. Phát triển đảng viên ở khu vực nông thôn, miền núi, doanh nghiệp ngoài nhà nước còn khó khăn. Việc đánh giá cán bộ một số nơi vẫn còn biểu hiện nể nang, né tránh, chưa đúng thực chất. Một số cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, trách nhiệm nêu gương, vi phạm pháp luật, phải xử lý kỷ luật về đảng, hành chính, đoàn thể và truy cứu trách nhiệm hình sự.

2.3. Chất lượng kiểm tra, giám sát ở một số cấp ủy còn hạn chế; chưa chủ động phát hiện, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện kết luận sau kiểm tra, thanh tra, giám sát của một số cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức. Công tác đấu tranh, phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực, lãng phí ở một số ngành, địa phương, đơn vị hiệu quả chưa cao; số vụ việc tham nhũng, tiêu cực do các cơ quan, đơn vị tự phát hiện còn ít; thu hồi tài sản ở các vụ án tham nhũng chưa đáp ứng yêu cầu.

2.4. Hệ thống dân vận có lúc, có nơi tham mưu giải quyết các vấn đề phát sinh chưa kịp thời. Dân vận chính quyền của một số cơ quan, đơn vị chưa có sự chuyển biến rõ nét; phối hợp giữa ban dân vận với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội một số nơi chưa đồng bộ. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tại một số cơ sở chậm đổi mới; giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền ở nhiều nơi còn lúng túng, hiệu quả chưa cao. Việc bố trí cán bộ đoàn thanh niên, nhất là ở cấp huyện và cơ sở còn nhiều khó khăn, bất cập.

2.5. Công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền có mặt còn hạn chế; một số khó khăn, vướng mắc, vụ việc chỉ đạo giải quyết còn chậm. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực chưa đáp ứng yêu cầu; vẫn còn xảy ra vi phạm, sai sót, chậm trễ trong quá trình tham mưu, giải quyết công việc. Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, chất lượng tham mưu, thực thi nhiệm vụ, công vụ chưa cao. Vẫn còn tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, gây phiền hà, sách nhiễu trong thực thi công vụ.

2.6. Phương thức lãnh đạo của một số cấp ủy, tổ chức đảng chậm đổi mới; nhiều chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy chưa được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, nội dung công việc sát với thực tế và nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ chưa thường xuyên, quyết liệt. Vẫn còn tình trạng buông lỏng lãnh đạo hoặc bao biện, làm thay; phân công trách nhiệm giữa tập thể, cá nhân chưa cụ thể, rõ ràng. Cải cách hành chính trong Đảng, đổi mới phong cách, lề lối làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chưa đáp ứng yêu cầu.

3. Về thực hiện các chương trình trọng tâm, khâu đột phá: Kết quả thực hiện một số chương trình trọng tâm còn hạn chế, nhiều chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu đề

ra, nhất là Chương trình phát triển Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp⁸⁹; Chương trình phát triển du lịch; Chương trình nâng cao chất lượng văn hóa; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi... Việc triển khai thực hiện các khâu đột phá còn thiếu đồng bộ, thiếu nguồn lực, kết quả thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ chưa đáp ứng yêu cầu, chưa tạo được sức lan tỏa lớn, tạo bước phát triển đột phá trên các lĩnh vực.

II. NGUYÊN NHÂN CỦA HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Nguyên nhân khách quan: Tình hình kinh tế, chính trị, an ninh thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, có nhiều bất ổn, khó dự báo; hệ thống thể chế của Nhà nước chưa đồng bộ, còn nhiều vướng mắc, một số quy định của pháp luật còn chồng chéo, mâu thuẫn nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung; Đại dịch Covid-19, thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường... đã tác động bất lợi đến việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Nguyên nhân chủ quan

2.1. Công tác dự báo trên một số lĩnh vực chưa sát với thực tế; xác định một số chỉ tiêu, chương trình trọng tâm, khâu đột phá không đảm bảo tính khả thi, không cân đối bố trí đủ nguồn lực cho tổ chức thực hiện, nhất là nguồn lực về tài chính.

2.2. Hiệu lực, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành chưa cao và chưa đồng đều giữa các ngành, các cấp; còn tình trạng thiếu sâu sát thực tế, thiếu chủ động, sáng tạo, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhất là trong giải quyết những khó khăn, vướng mắc, các vấn đề phức tạp phát sinh trong thực tiễn.

2.3. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, trong đó có cả người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp trình độ, năng lực hạn chế; có tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm, làm việc cầm chừng, hiệu quả thấp; giải quyết thủ tục hành chính còn phiền hà, chậm trễ, gây cản trở cho hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và người dân.

2.4. Phối hợp giữa các cấp, các ngành, địa phương trong giải quyết công việc chưa chặt chẽ, kịp thời; một số ngành, địa phương, người đứng đầu chưa phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương trong chỉ đạo, tham mưu, giải quyết công việc; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát ở một số lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức; kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm; xử lý cán bộ thiếu trách nhiệm, năng lực yếu kém chưa cương quyết.

2.5. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa, quán triệt, triển khai thực hiện các chương trình trọng tâm, khâu đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX tại một số ngành, địa phương, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức; việc xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, giải pháp thực hiện chưa thực sự khả thi, chưa phù hợp với thực tế, gây khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện. Việc chấp hành các nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ ở một số

⁸⁹ Trong số 09 chỉ tiêu đề ra có: 04 chỉ tiêu đạt thấp dưới 70% và 05 chỉ tiêu đạt từ 70 - 90% so với kế hoạch.

cấp ủy, cơ quan, đơn vị chưa nghiêm, có biểu hiện gây mất đoàn kết nội bộ, dẫn đến vi phạm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Năm năm qua, trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, song, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân các dân tộc trong tỉnh đã phát huy truyền thống đoàn kết, cách mạng, chủ động, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu đạt được nhiều thành tựu quan trọng: (1) Kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng cao, trong nhóm các tỉnh, thành phố có tốc độ tăng trưởng GRDP cao nhất cả nước; nhiều chỉ tiêu kinh tế vượt mục tiêu Đại hội và tăng cao so với nhiệm kỳ trước, nhất là thu ngân sách nhà nước, chỉ số sản xuất công nghiệp, giá trị xuất khẩu, tổng thu du lịch. (2) Môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện; thu hút đầu tư nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. (3) Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường; bộ mặt đô thị, nông thôn có nhiều đổi mới, ngày càng khang trang, hiện đại. (4) Dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát hiệu quả, hạn chế thấp nhất về thiệt hại do dịch bệnh gây ra; giáo dục mũi nhọn, thể thao thành tích cao tiếp tục duy trì trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước; tổ chức thành công nhiều sự kiện lớn, được nhân dân đánh giá cao; an sinh xã hội được chăm lo, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được cải thiện. (5) Quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; quan hệ đối ngoại được mở rộng. (6) Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được triển khai thực hiện đồng bộ, sáng tạo, đạt kết quả tích cực và khá toàn diện; nhiều khuyết điểm, vi phạm trên các lĩnh vực được chấn chỉnh, khắc phục, xử lý kịp thời; niềm tin của Nhân dân đối với Đảng bộ, chính quyền và hệ thống chính trị được củng cố và tăng cường. Vị thế, tiềm lực, uy tín của tỉnh tiếp tục được nâng cao.

Từ thực tiễn 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, rút ra những bài học kinh nghiệm sau đây:

Một là, phải giữ vững nguyên tắc lãnh đạo của Đảng; thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng; đặc biệt coi trọng việc giữ gìn, phát huy đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ, tạo sự đồng thuận trong cả hệ thống chính trị và trong Nhân dân.

Hai là, trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành phải luôn bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và có trọng tâm, trọng điểm; phải thực sự sâu sát, quyết liệt, nắm chắc tình hình, dự báo sát đúng, phản ứng kịp thời, hiệu quả đối với vấn đề mới; giải quyết dứt điểm khó khăn, vướng mắc, tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông mọi nguồn lực cho sự phát triển.

Ba là, coi trọng phát huy nội lực trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tiềm năng, thế mạnh, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh của tỉnh; đồng thời phải tranh thủ tối sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ của Trung ương, huy động đa dạng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài, nhất là chọn lọc, thu hút đầu tư của các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn, thực sự có năng lực, có kinh nghiệm, có uy tín trong nước và quốc tế.

Bốn là, quan tâm chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm,

vì lợi ích chung; thường xuyên rà soát, kiểm toàn, bố trí, sắp xếp lại cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, kịp thời thay thế người đứng đầu thiếu trách nhiệm, năng lực hạn chế để địa phương, cơ quan, đơn vị tri tri, yếu kém, mất đoàn kết nội bộ.

Năm là, chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành; tăng cường công tác tự kiểm tra, tự phát hiện, tự soi, tự sửa các hạn chế, yếu kém; phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân đối với việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; chủ động ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý các vi phạm, khuyết điểm ngay từ khi mới phát sinh.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2025 - 2030

A. DỰ BÁO BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

Trong những năm tới, hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn trên thế giới; Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư, nhất là trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), điện toán đám mây, internet vạn vật (IoT), robot và tự động hóa tiếp tục phát triển mạnh và tác động sâu sắc đến tất cả các lĩnh vực; dòng vốn FDI tiếp tục có xu hướng chuyển dịch từ một số nước phát triển sang khu vực ASEAN, trong đó có nước ta. Trong nước, sau 40 năm đổi mới, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên, là nền tảng quan trọng để đất nước vươn mình trong kỷ nguyên mới; kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định; nhiều bộ luật quan trọng đã được bổ sung, sửa đổi hoàn thiện; tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được đổi mới, sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nhiều chủ trương, cơ chế chính sách mạnh, vượt trội, nhất là về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, thu hút, trọng dụng nhân tài được ban hành. Trong tỉnh, những thành tựu đạt được trong những năm qua đã củng cố, nâng cao vị thế, tiềm lực và uy tín của tỉnh; nhiều chương trình, dự án, cơ chế chính sách, mô hình mới đã và đang triển khai tiếp tục phát huy hiệu quả; chính trị, xã hội ổn định, đoàn kết thống nhất trong Đảng, trong hệ thống chính trị và trong Nhân dân được tăng cường; từ thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể đúc kết được nhiều bài học bổ ích, là những thuận lợi cơ bản để tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Tuy nhiên, tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; xung đột, chiến tranh diễn ra ở nhiều khu vực, phức tạp hơn, nguy cơ lan rộng; cạnh tranh giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, mở rộng về quy mô và phạm vi, mang đến nhiều thách thức đối với chiến lược bảo vệ Tổ quốc, ngoại giao, kinh tế của đất nước. Kinh tế trong nước có khả năng duy trì đà tăng trưởng khá, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Trong tỉnh, những hạn chế nội tại, như: chất lượng, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp và sản phẩm còn thấp; chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động, năng lực khoa học - công nghệ còn hạn chế; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực miền núi còn thiếu và chưa đồng bộ; năng lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị

chưa đáp ứng yêu cầu; trình độ, năng lực, tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức còn hạn chế; dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, là những yếu tố không thuận lợi cho sự phát triển của tỉnh.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

I. PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG

Tăng cường xây dựng Đảng và Hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy mạnh mẽ tiềm năng, lợi thế, nguồn lực, giá trị văn hóa, con người và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; phát triển kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở thực hiện hiệu quả “Bốn nghị quyết trụ cột”⁹⁰, đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm lớn của khu vực và cả nước về công nghiệp nặng, công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp quy mô lớn giá trị gia tăng cao, du lịch, dịch vụ logistics. Phát triển mạnh mẽ lĩnh vực khoa học - công nghệ, văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế, thể dục - thể thao; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Tăng cường bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; giữ vững ổn định chính trị; mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, liên kết phát triển với các tỉnh, thành phố trong khu vực và cả nước. Phấn đấu đến năm 2030 trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, người dân có mức sống cao hơn bình quân chung của cả nước; đến năm 2045 trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh, hiện đại, phát triển toàn diện và kiểu mẫu của cả nước.

II. PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG

Đoàn kết - Trách nhiệm - Sáng tạo - Phát triển

III. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Về kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 11% trở lên; trong đó: Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng khoảng 3% trở lên; công nghiệp - xây dựng tăng khoảng 14% trở lên; dịch vụ tăng khoảng 9% trở lên; thuế sản phẩm tăng khoảng 6% trở lên.

(2) Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP đến năm 2030: Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 5%; công nghiệp - xây dựng chiếm 57%; dịch vụ chiếm 33%; thuế sản phẩm chiếm 5%.

(3) GRDP bình quân đầu người năm 2030 đạt 7.900 USD trở lên.

(4) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP năm 2030 đạt 30%.

(5) Tỷ trọng giá trị tăng thêm công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP năm 2030 đạt 36% trở lên.

(6) Thu nhập bình quân đầu người năm 2030 đạt 90 triệu đồng trở lên.

⁹⁰ Các Nghị quyết số: 57-NQ/TW, 59-NQ/TW, 66-NQ/TW, 68-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII.

(7) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 700 nghìn tỉ đồng trở lên.

(8) Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hằng năm đạt 7% trở lên.

(9) Trị giá hàng hóa xuất khẩu năm 2030 đạt 15 tỉ USD trở lên.

(10) Tổng sản lượng lương thực bình quân hằng năm ổn định ở mức 1,5 triệu tấn.

(11) Số doanh nghiệp thành lập mới 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 15.000 doanh nghiệp trở lên.

(12) Tỷ lệ đô thị hóa năm 2030 đạt 50% trở lên.

(13) Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2030 tăng thêm 50.000 ha trở lên; trong đó, diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao đạt 10.000 ha trở lên.

(14) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân hằng năm đạt 8,1% trở lên.

(15) Số căn hộ nhà ở xã hội được xây dựng mới trong 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 7.500 căn hộ trở lên.

2. Về văn hóa - xã hội

(16) Tốc độ tăng dân số bình quân hằng năm dưới 1%.

(17) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm theo tiêu chí mới của giai đoạn 2026 - 2030 từ 1% trở lên.

(18) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt 80% trở lên; trong đó, có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35% trở lên.

(19) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm 2030 dưới 20%.

(20) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030 đạt 95% trở lên.

(21) Số bác sỹ/1 vạn dân đến năm 2030 đạt 15 bác sỹ/10.000 dân.

(22) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030 đạt 88,5% trở lên.

(23) Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao năm 2030 đạt 59,5% trở lên.

(24) Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 2030 đạt 36% trở lên.

3. Về môi trường

(25) Tỷ lệ che phủ rừng năm 2030 đạt 54,5% trở lên.

(26) Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh năm 2030 đạt 99,5%; trong đó, tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đạt 75%.

(27) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đến năm 2030 đạt 95%.

4. Về an ninh trật tự

(28) Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự hằng năm đạt 80% trở lên.

5. Về xây dựng Đảng

(29) Hằng năm kết nạp 8.100 đảng viên mới trở lên.

(30) Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt 90% trở lên.

C. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Tiếp tục đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tạo khung khổ pháp lý rõ ràng, minh bạch, thuận lợi cho huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phát huy vai trò các động lực tăng trưởng truyền thống, thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới, đảm bảo hoàn thành mục tiêu về tốc độ tăng trưởng, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng tăng trưởng

1.1. Triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả, sáng tạo, kịp thời các chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy hoạch, kế hoạch do Trung ương ban hành, trước mắt là ban hành các văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa, tổ chức thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đấu thầu, Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi), Luật quản lý, sử dụng tài sản công (sửa đổi)...; rà soát, trình cấp có thẩm quyền bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa đến năm 2040, Quy hoạch chung Khu kinh tế Nghi Sơn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành, lĩnh vực và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Tập trung rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế chính sách của tỉnh cho phù hợp với quy định của Trung ương và tình hình thực tế, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, khả thi, dễ thực hiện, có tính đột phá, tạo khung pháp lý công bằng, minh bạch, thuận lợi để huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển nhanh và bền vững.

1.2. Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa quy trình, thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường cung cấp các dịch vụ công trực tuyến; nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Rà soát, khắc phục các hạn chế, yếu kém để nâng cao thứ hạng các chỉ số phản ánh môi trường đầu tư kinh doanh⁹¹. Duy trì và đổi mới nội dung các hội nghị gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp; giải quyết kịp thời, có hiệu quả các khó khăn, vướng mắc, phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, để các doanh nghiệp yên tâm đầu tư mở rộng, phát triển sản xuất, kinh doanh.

1.3. Phát huy mạnh mẽ vai trò các động lực tăng trưởng truyền thống⁹², nhất là

⁹¹ Như: Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

⁹² Bao gồm: đầu tư, xuất khẩu, tiêu dùng.

đầu tư. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ để sớm hoàn thành các dự án đang triển khai, nhất là các dự án lớn, trọng điểm⁹³. Thực hiện bố trí vốn đầu tư phát triển, vốn tăng thu, tiết kiệm chi, đảm bảo thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải; tiến hành rà soát, đánh giá các dự án đầu tư dở dang đã dừng thực hiện⁹⁴, trên cơ sở đó tiếp tục bố trí vốn để đầu tư hoàn thành đối với những dự án thực sự cần thiết, tránh lãng phí; ưu tiên bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA, vốn xây dựng các khu tái định cư; tập trung bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp để rút ngắn thời gian đầu tư, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả. Đối với các dự án khởi công mới, cần lựa chọn, ưu tiên bố trí vốn đầu tư thực hiện những công trình, dự án quan trọng, thực sự hiệu quả, có tính đột phá, có tác động lan tỏa lớn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cả vùng và cả tỉnh.

1.4. Tạo môi trường thuận lợi, thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới, nhất là khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, liên kết vùng để nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng tăng trưởng; nghiên cứu xây dựng một số mô hình kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ để tổng kết rút kinh nghiệm, từng bước nhân ra diện rộng.

1.5. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nuôi dưỡng nguồn thu, chống thất thu, khai thác các nguồn thu mới, các nguồn thu còn dư địa, phấn đấu tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hằng năm đạt 7% trở lên; quản lý chặt chẽ việc sử dụng ngân sách nhà nước, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tiết kiệm chi thường xuyên để bố trí cho đầu tư phát triển. Cùng với huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách, tăng cường vận động, thu hút các nguồn vốn ODA, vốn của các tổ chức phi chính phủ, vốn đầu tư theo phương thức PPP... để đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

1.6. Tập trung phát triển mạnh kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất cho tăng trưởng kinh tế theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị “Về phát triển kinh tế tư nhân”; khơi dậy tinh thần kinh doanh, khởi nghiệp, tự lực, tự cường của mọi người dân, doanh nghiệp để thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân; tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng cho các thành phần kinh tế tư nhân tiếp cận cơ hội kinh doanh và các nguồn lực của nền kinh tế, nhất là vốn, đất đai, nhân lực, công nghệ, các chính sách ưu đãi và các nguồn lực hợp pháp khác; hỗ trợ các doanh nghiệp tư nhân mở rộng thị trường, tái cơ cấu sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, liên kết chuỗi giá trị, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững; đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp cả về số lượng và chất lượng; khuyến khích, tạo điều kiện thúc đẩy hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh trong nước, khu vực và quốc tế.

Đổi mới mạnh mẽ hoạt động xúc tiến đầu tư; thu hút vốn đầu tư trực tiếp trong nước và nước ngoài có chọn lọc⁹⁵; ưu tiên vận động thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các dự án quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, công nghệ hiện đại, có tác động

⁹³ Có Phụ lục số 01 kèm theo.

⁹⁴ Có Phụ lục số 02 kèm theo.

⁹⁵ Có Phụ lục số 03 kèm theo.

lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, thân thiện với môi trường; tăng cường hỗ trợ kết nối giữa khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài với khu vực kinh tế trong nước, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản lý và đào tạo nhân lực; hình thành hệ sinh thái và tăng cường chuỗi liên kết bền vững.

2. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, trên cơ sở ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.1. Chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; khai thác, phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế các vùng sinh thái, phấn đấu tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp bình quân hằng năm đạt 3% trở lên

Tiếp tục phát triển các vùng sản xuất tập trung, vùng chuyên canh hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, tập trung vào các sản phẩm chủ lực Tỉnh có lợi thế, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị⁹⁶.

Khẩn trương xây dựng, phấn đấu hoàn thành hệ thống bản đồ nông hóa, thổ nhưỡng toàn tỉnh trong năm 2026 làm cơ sở cho quy hoạch, phát triển các cây trồng, vật nuôi phù hợp với nhu cầu thị trường và lợi thế so sánh của từng vùng. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai, phấn đấu giai đoạn 2026 - 2030 tăng thêm 50 nghìn ha để phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao⁹⁷. Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm lúa gạo, duy trì sản lượng đạt từ 1,3 triệu tấn/năm trở lên, trong đó sản lượng gạo xuất khẩu từ 60.000 tấn/năm trở lên; mở rộng sản xuất các loại lúa nếp đặc sản như: nếp Cay Nọi, nếp hạt cau⁹⁸; nhân rộng các mô hình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ⁹⁹; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện sản xuất 30.000 ha lúa theo hướng giảm phát thải, tạo tín chỉ các-bon tại các địa phương trọng điểm sản xuất lúa của tỉnh. Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả các vùng nguyên liệu gắn với chế biến đã có thị trường tiêu thụ ổn định như: mía, sắn, gai, cói¹⁰⁰; phát triển các loại cây ăn quả có lợi thế, như: cam Vân Du, bưởi Luận Văn, vải Ngọc, thanh long ruột đỏ, na¹⁰¹; tăng cường vận động, thu hút các dự

⁹⁶ Đến năm 2030, **lĩnh vực trồng trọt**: diện tích sản xuất nông sản sạch đạt 20.000 ha (sản xuất hữu cơ 2.000 ha; sản xuất công nghệ cao 5.000 ha; sản xuất theo các tiêu chuẩn GAP và tương đương 4.000 ha; sản xuất đảm bảo đủ điều kiện ATTP theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT đạt 9.000 ha). **Lĩnh vực chăn nuôi**: có 40% tổng đàn gia cầm, 55% tổng đàn lợn, 10% đàn bò được chăn nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ cao, 100% các trang trại bò sữa đạt tiêu chuẩn quốc tế GlobalGAP, 80% các trang trại chăn nuôi áp dụng quy trình thực hành chăn nuôi tốt theo VietGAHP, chăn nuôi an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh. **Lĩnh vực lâm nghiệp**: Có 34.600 ha diện tích sản xuất lâm nghiệp theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và tương đương. **Lĩnh vực thủy sản**: diện tích sản xuất thủy sản sạch đạt 8.000 ha (sản xuất hữu cơ đạt 500 ha tôm sú; sản xuất công nghệ cao đạt 600 ha tôm thẻ chân trắng; sản xuất theo các tiêu chuẩn GAP và tương đương đạt 900 ha tôm và thủy sản nước ngọt; sản xuất đảm bảo đủ điều kiện ATTP đạt 6.000 ha ngao, tôm cá).

⁹⁷ Có Phụ lục số 04 kèm theo.

⁹⁸ Trong đó: Nếp Cay Nọi 1.000ha; nếp Hạt Cau 1.800 ha.

⁹⁹ Gồm: Mô hình lúa - cá 350 ha; mô hình lúa - rươi 100 ha.

¹⁰⁰ Trong đó: Diện tích mía nguyên liệu 14.500 ha (có 8.000 ha sản xuất theo hướng giảm phát thải, tạo tín chỉ các-bon); diện tích sắn 12.750 ha; diện tích cói 1.500 ha.

¹⁰¹ Đến năm 2030, phát triển vùng trồng cam Vân Du 500 ha; bưởi Luận Văn 120 ha; vải Ngọc 100 ha; thanh long ruột đỏ 100 ha; na 40 ha.

án chế biến sâu gắn với quy hoạch, phát triển các vùng chuyên canh các cây trồng chủ lực tỉnh có lợi thế.

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, đảm bảo an toàn môi trường đối với các vật nuôi và sản phẩm chủ lực gồm: thịt gia cầm, thịt trâu, thịt bò, sữa bò và các sản phẩm từ sữa. Quản lý chặt chẽ các dự án chăn nuôi lợn hiện có, yêu cầu khắc phục khẩn trương các cơ sở gây ô nhiễm môi trường theo quy định; chỉ chấp thuận các dự án mới trong chăn nuôi lợn khi đáp ứng được yêu cầu về môi trường và gắn với chế biến sâu. Khẩn trương rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ đầu tư Nhà máy chế biến sữa Yên Mỹ của Tập đoàn TH. Chú trọng phát triển các mô hình chăn nuôi con đặc sản, chăn nuôi nông hộ theo hướng hữu cơ, hiệu quả, an toàn, bền vững, nhất là ở khu vực miền núi.

Phát triển lâm nghiệp gắn với nâng cao giá trị kinh tế rừng sản xuất kết hợp với phát triển du lịch và kinh doanh tín chỉ các-bon rừng; đẩy mạnh trồng rừng sản xuất theo mô hình trồng cây gỗ lớn và trồng rừng phòng hộ; quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững rừng đặc dụng, phát triển cây dược liệu, cây dưới tán rừng¹⁰². Tăng cường chế biến sâu các sản phẩm lâm nghiệp, phát triển vùng nguyên liệu gắn với cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC); có cơ chế, chính sách để cùng nhà đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu tre, luồng ở khu vực miền núi, đáp ứng nhu cầu sản xuất của các nhà máy chế biến tre, luồng; xây dựng, nâng cao giá trị thương hiệu sản phẩm “tre, luồng xứ Thanh” và “quế Thanh”.

Phát triển thủy sản trở thành ngành sản xuất hàng hóa lớn, chất lượng cao, hướng mạnh đến xuất khẩu; tổ chức lại sản xuất ngành thủy sản ở tất cả các lĩnh vực: khai thác, nuôi trồng, dịch vụ hậu cần, chế biến thủy sản theo chuỗi giá trị và phát triển bền vững; đầu tư cải tạo, nâng cấp, nạo vét luồng vào để nâng cao hiệu quả các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tàu thuyền; thực hiện đồng bộ các giải pháp, biện pháp chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia và quốc phòng - an ninh trên các vùng biển.

Đổi mới tư duy, hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm OCOP theo hướng thực chất, hiệu quả, có chất lượng ổn định, khối lượng hàng hóa lớn, có uy tín, thương hiệu mạnh để vươn tới các thị trường lớn trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp và khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế hợp tác để tăng cường liên doanh, liên kết, khắc phục tình trạng nhỏ lẻ, manh mún trong sản xuất nông nghiệp.

2.2. Phát triển mạnh công nghiệp - xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh; phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm đạt 14% trở lên

Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh để phát triển công nghiệp theo chiều

¹⁰² Trong đó: Duy trì ổn định diện tích rừng gỗ lớn 56.000 ha; thâm canh rừng tre, luồng, vầu 10.780 ha; phát triển thêm 23.300 ha rừng được cấp chứng chỉ FSC, PEFC, tập trung tại khu vực miền núi; bảo tồn, mở rộng vùng trồng cây Quế Ngọc 1.400 ha; phát triển cây dược liệu dưới tán rừng 300 ha.

sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị tăng thêm và năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Ưu tiên phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo để sớm trở thành một trong những trung tâm lớn của vùng Bắc Trung bộ và cả nước về công nghiệp chế biến, chế tạo, làm nền tảng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, hiện đại.

Tiến hành rà soát, giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, trước mắt là các dự án trọng điểm, quy mô lớn, như: Tổ hợp hóa chất Đức Giang; các nhà máy luyện cán thép Nghi Sơn số 2, DST Nghi Sơn; nhà máy sản xuất cầu kiện bê tông cốt thép công nghệ cao Đại Dương; Nhà máy Intco Medical Việt Nam; nhà máy sản xuất vải Billion Union Việt Nam; các nhà máy xi măng Long Sơn, Đại Dương... góp phần tăng nhanh giá trị sản xuất công nghiệp. Tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất và nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh các ngành công nghiệp có thế mạnh của tỉnh như: Công nghiệp hóa dầu, hóa chất và chế biến sản phẩm từ hóa dầu; công nghiệp sản xuất, cung ứng điện; công nghiệp cơ khí, điện tử và sản xuất kim loại; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng...; hiện đại hóa bằng công nghệ mới các ngành công nghiệp sử dụng nhiều tài nguyên, nguồn lực lao động. Hỗ trợ, tạo điều kiện để Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản phẩm; xúc tiến nhanh việc triển khai giai đoạn 2 Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

Ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp mới nổi, các ngành công nghiệp có hàm lượng phát thải các-bon thấp, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, công nghệ cao, như: công nghiệp chip bán dẫn; công nghiệp robot; trí tuệ nhân tạo; vật liệu mới, vật liệu phục vụ công nghiệp cơ khí chế tạo; công nghiệp sinh học; công nghiệp công nghệ số; công nghiệp ô tô; công nghiệp dược phẩm; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp... tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Phát triển hợp lý các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động (dệt may, da giày...); từ năm 2026, hạn chế, tiến tới dừng thu hút đầu tư mới các dự án may mặc, da giày tại khu vực đồng bằng và ven biển; khuyến khích thu hút đầu tư các dự án sử dụng nhiều lao động vào khu vực trung du và miền núi. Phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với khôi phục các nghề truyền thống, nhân cấy nghề mới đối với những sản phẩm có thị trường tiêu thụ tốt để tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ cao trong các lĩnh vực thiết kế, xây dựng công trình, vật liệu xây dựng, phát triển đô thị và nhà ở theo hướng đô thị xanh, thông minh. Tiếp tục đổi mới dây chuyền công nghệ các dự án sản xuất vật liệu xây dựng; tập trung phát triển các loại vật liệu xây dựng mới, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường; khẩn trương thực hiện các giải pháp khắc phục tình trạng khan hiếm vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu san lấp, đắp nền, cát xây dựng; tập trung triển khai các dự án phát triển cát nhân tạo để bù đắp và giảm khai thác cát tự nhiên... Tăng cường quản lý thị trường bất động sản, đảm bảo phát triển lành mạnh, đúng định hướng. Đẩy mạnh phát triển các cao ốc hiện đại, văn phòng cho thuê tại các đô thị lớn và xây dựng các cơ chế, chính sách để hỗ trợ xây dựng nhà ở cho đối tượng có thu nhập thấp, công nhân, lao động, tạo điều kiện để người có thu nhập thấp có nhà ở an toàn, ổn định.

2.3. Phát triển nhanh các sản phẩm dịch vụ có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn; phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm đạt 9% trở lên

Thực hiện cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng kinh tế số, công nghệ hiện đại và đẩy mạnh xã hội hóa, ưu tiên thu hút phát triển du lịch, dịch vụ logistics, dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin, dịch vụ số, dịch vụ tài chính, ngân hàng, thương mại điện tử, dịch vụ bất động sản, các dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao... với chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh trong khu vực và cả nước.

Tập trung phát triển 3 loại hình du lịch chính, gồm: du lịch biển, du lịch sinh thái cộng đồng và du lịch tìm hiểu văn hóa, lịch sử; đồng thời, phát triển thêm các sản phẩm du lịch bổ trợ, các sản phẩm dịch vụ du lịch kết hợp như du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe, du lịch khám phá biển đảo, hội nghị, hội thảo, sân golf... để khắc phục tính mùa vụ của du lịch hiện nay. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để tiếp tục triển khai và đẩy nhanh tiến độ đầu tư Công viên chuyên đề tại Sầm Sơn, Dự án tổ hợp nghỉ dưỡng khoáng nóng Quảng Yên, Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Bến En, Khu di tích lịch sử, danh thắng Am Tiên, Khu du lịch sinh thái Tân Dân... Tiếp tục phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch đảm bảo đồng bộ, hiện đại; thu hút các dự án đầu tư kinh doanh dịch vụ du lịch có quy mô lớn, dịch vụ mới lạ, hấp dẫn¹⁰³; phấn đấu đến năm 2030, Thanh Hóa trở thành một trong các trung tâm lớn về du lịch của cả nước với các sản phẩm du lịch có chất lượng cao, khẳng định thương hiệu và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Phát triển dịch vụ logistics gắn với vận tải đa phương thức, nhất là kết nối vận tải đường bộ - đường biển nhằm đẩy mạnh xuất nhập khẩu hàng hóa qua Cảng biển Nghi Sơn; rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, tạo thuận lợi để thu hút đầu tư xây dựng trung tâm logistics cấp vùng hạng I và các tổng kho dự trữ dầu thô, kho khí LNG tại Khu kinh tế Nghi Sơn; kêu gọi, thu hút đầu tư trung tâm logistics cấp tỉnh theo quy hoạch và trung tâm logistics tại khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng.

Phát triển đồng bộ, hợp lý và tăng cường kết nối giữa các loại hình vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không. Tiếp tục mở mới các đường bay đi - đến Cảng hàng không Thọ Xuân, trong đó có đường bay quốc tế. Phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, đa dạng các sản phẩm và tiện ích theo chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh áp dụng các hình thức, phương tiện thanh toán, nhất là ứng dụng thanh toán điện tử, thanh toán trực tuyến.

Tổ chức tốt các kênh phân phối hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng; quan tâm phát triển thương mại điện tử gắn với tăng cường quản lý nhà nước. Phát triển hệ thống hạ tầng thương mại hài hòa, đồng bộ giữa thương mại hiện đại và truyền thống, giữa thị trường đô thị và nông thôn; trong đó: Tập trung phát triển các trung tâm thương mại, đại siêu thị, siêu thị, kho bảo quản, chợ đầu mối tại các khu vực đô thị lớn, trung tâm vùng, miền, Khu kinh tế Nghi Sơn, để tạo hạt nhân phát triển thương mại dịch

¹⁰³ Như: Khu du lịch sinh thái Hồ Yên Mỹ; Quần thể du lịch Am Tiên; Khu du lịch sinh thái Trường Lâm; Sân golf và tổ hợp nghỉ dưỡng tại xã Hà Long; Khu du lịch sinh thái Đào Mê.

vụ; phát triển mạnh loại hình siêu thị kết hợp chợ truyền thống và cửa hàng bán lẻ tại khu vực các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm xã; đẩy mạnh chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh khai thác chợ tại khu vực nông thôn.

Đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là các sản phẩm chế biến sâu, hạn chế xuất khẩu sản phẩm thô, sản phẩm sơ chế; tiếp tục củng cố, nâng cao thị phần các thị trường truyền thống, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do để mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu; kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu công nghệ, mặt hàng thiết yếu, trong nước chưa sản xuất được, lựa chọn các nguồn hàng công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng.

3. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, tạo cơ sở thúc đẩy kết nối các vùng, miền, các trung tâm kinh tế động lực, phát huy vai trò cực tăng trưởng mới¹⁰⁴

3.1. Xây dựng hệ thống giao thông vận tải đồng bộ, hiện đại, liên thông, kết nối thuận lợi trong và ngoài tỉnh. Tập trung bố trí vốn để tiếp tục đầu tư các dự án giao thông lớn, trọng điểm còn dở dang, đang tạm dừng thi công để nhanh chóng đưa vào khai thác, sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư, tránh lãng phí¹⁰⁵. Sớm đầu tư hoàn thành tuyến đường bộ ven biển đoạn qua Thanh Hóa, các tuyến đường kết nối các tuyến giao thông trục chính của tỉnh với các nút giao cao tốc Bắc - Nam phía Đông, các tuyến đường đô thị, đường trục chính, đường nối các khu du lịch...; tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại; quan tâm đầu tư xây dựng hệ thống cầu dân sinh, đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân ở khu vực miền núi.

Nghiên cứu phương án, huy động vốn đầu tư xây dựng mới các tuyến đường kết nối liên xã, liên vùng¹⁰⁶, kết nối giữa Thanh Hóa với các tỉnh khu vực Tây Bắc, nước CHDCND Lào; nghiên cứu quy hoạch, xây dựng dự án đầu tư các tuyến giao thông kết nối để kịp thời phát huy hiệu quả đường sắt tốc độ cao qua địa bàn tỉnh; kết hợp đồng bộ giữa đầu tư công và đầu tư từ nguồn xã hội hóa để nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Thọ Xuân, phấn đấu đến năm 2030 trở thành cảng hàng không quốc tế. Đầu tư xây dựng cảng tổng hợp, cảng container, cảng chuyên dùng và nạo vét luồng tàu vào cảng để sớm hoàn chỉnh hệ thống Cảng biển Nghi Sơn và các cảng biển: Lạch Sung, Quảng Châu, Quảng Nham - Hải Châu theo quy hoạch. Rà soát, lập quy hoạch Đảo Mê theo hướng kết hợp quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội, trong đó nghiên cứu, đề xuất quy hoạch cảng tổng hợp tại khu vực Đảo Mê, làm cơ sở để triển khai thực hiện.

3.2. Đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi đầu mối, trọng điểm, đảm

¹⁰⁴ Có Phụ lục số 05 kèm theo.

¹⁰⁵ Như: Dự án đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nô Hên đến Đường tỉnh 514; Dự án đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân đoạn từ Đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân; Dự án đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47; Dự án đường giao thông từ Quốc lộ 47 đến đường Hồ Chí Minh, huyện Thọ Xuân; Dự án Đường giao thông từ ngã ba Voi (thành phố Thanh Hóa) đi thành phố Sầm Sơn; Dự án Tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoảng Hóa - Sầm Sơn và Quảng Xương - Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)...

¹⁰⁶ Như: Đường giao thông kết nối liên vùng từ tỉnh Thanh Hóa với tỉnh Hòa Bình; đường vành đai 3 nhánh Đông...

bảo an toàn hồ, đập¹⁰⁷; cải tạo, sửa chữa các công trình hồ đập theo hướng đa mục tiêu như: thủy lợi, vận tải, sinh thái, du lịch để đáp ứng yêu cầu phát triển và thích ứng với biến đổi khí hậu; nghiên cứu lập dự án đầu tư hệ thống thủy lợi ngăn mặn, giữ ngọt cửa sông Lạch Trường và hệ thống thủy lợi ngăn mặn, giữ ngọt cửa sông Mã. Đầu tư, nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển, đáp ứng yêu cầu phòng chống lụt bão và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đầu tư hệ thống công trình tăng cường khả năng tiêu thoát lũ, tiêu thoát nước cho các đô thị¹⁰⁸; các công trình hạ tầng khai thác hải sản và nuôi trồng thủy sản¹⁰⁹. Tiếp tục đầu tư các công trình cấp nước sinh hoạt khu vực nông thôn, đô thị, hệ thống cấp nước phục vụ sản xuất, kinh doanh theo quy hoạch.

3.3. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án hạ tầng du lịch, đặc biệt là các dự án lớn, phân khúc cao cấp¹¹⁰, các dự án khu nghỉ dưỡng, khách sạn ven biển... Tăng cường thu hút, khuyến khích đầu tư để hình thành các khu du lịch phức hợp quy mô lớn, các trung tâm nghỉ dưỡng ven biển kết hợp vui chơi, giải trí cao cấp, hiện đại.

3.4. Tiếp tục đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh các công trình hạ tầng thiết yếu, hạ tầng khu công nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn; đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, xây dựng các khu tái định cư trong Khu kinh tế Nghi Sơn. Tập trung đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành các dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp¹¹¹, cụm công nghiệp¹¹² đang triển khai; tiếp tục xúc tiến, thu hút các nhà đầu tư có năng lực, uy tín, kinh nghiệm để đầu tư và kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới theo quy hoạch¹¹³. Phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng hạ tầng, đưa vào hoạt động và lấp đầy các khu công nghiệp đang thực hiện đầu tư; có ít nhất 30 cụm công nghiệp đi vào hoạt động¹¹⁴ và đạt tỉ lệ lấp đầy ít nhất 70% diện tích trở lên.

3.5. Phát triển hệ thống hạ tầng điện bảo đảm nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện một cách tối đa, an toàn, tin cậy, có hiệu quả; nâng cao độ tin cậy an toàn cung cấp điện, đảm bảo chất lượng điện năng lưới điện toàn tỉnh và có khả năng hỗ trợ tốt cho lưới điện khu vực. Tập trung kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án

¹⁰⁷ Như: Dự án thủy lợi kết hợp thủy điện Cẩm Hoàng trên sông Mã; các hệ thống thủy lợi ngăn mặn, giữ ngọt cửa Sông Mã và cửa sông Lạch Trường; hiện đại hóa hệ thống cấp nước Bái Thượng thích ứng với biến đổi khí hậu...

¹⁰⁸ Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thủy sông Hoàng; nâng cấp hoàn chỉnh hệ thống tiêu thoát lũ sông Nhôm; nâng cấp hệ thống tiêu sông Lý; đầu tư hệ thống công trình tăng cường khả năng tiêu thoát của các đô thị lớn...

¹⁰⁹ Nâng cấp, mở rộng cảng cá Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa; nâng cấp, mở rộng cảng cá kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch Trường, huyện Hậu Lộc. Xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Nga Tiến, huyện Nga Sơn; các xã Hoàng Yên, Hoàng Phong, Hoàng Lưu, Hoàng Châu, huyện Hoàng Hóa; xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc; xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương.

¹¹⁰ Như: Quần thể khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái kết hợp các dịch vụ vui chơi, giải trí cao cấp Bến En; Khu đô thị nghỉ dưỡng khoáng nóng tại xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương; Khu phức hợp khách sạn, trung tâm thương mại tại xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương; Khu du lịch Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa; Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, dưỡng lão, giải trí tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, huyện Thường Xuân...

¹¹¹ Như: KCN Lam Sơn - Sao Vàng, KCN Phú Quý, KCN phía Tây thành phố Thanh Hóa, KCN Giang Quang Thịnh, các KCN trong Khu Kinh tế Nghi Sơn như: KCN Đồng Vàng, KCN Luyện Kim, KCN số 3...

¹¹² Như: CCN Đông Văn; CCN Xuân Hòa; CCN Thượng Ninh; CCN Điền Trung; CCN Xuân Lai; CCN phía Đông Bắc thành phố Thanh Hóa; CCN Tư Sy; CCN Cẩm Sơn; CCN số 2 Vạn Hà; CCN Thọ Minh...

¹¹³ Như: KCN Bắc Hoàng Hóa; KCN Tượng Lĩnh, Nông Cống; KCN Hà Long, huyện Hà Trung; KCN Lưu Bình, huyện Quảng Xương...; các KCN trong KKT Nghi Sơn như: KCN dược phẩm công nghệ cao Việt Nam - Ấn Độ, KCN số 17...

¹¹⁴ Trong đó: Khu vực đồng bằng và ven biển: 22 cụm công nghiệp; khu vực miền núi 8 cụm công nghiệp.

nguồn điện đã được quy hoạch, trọng tâm là các dự án: Nhiệt điện LNG Nghi Sơn, Điện gió Bắc Phương - Nghi Sơn; tạo điều kiện thuận lợi để triển khai dự án Điện khí LNG Công Thanh; các dự án đường dây và trạm biến áp 500kV, 220kV, 110kV; thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ theo Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22/10/2024 của Chính phủ; phân đầu Thanh Hóa trở thành trung tâm năng lượng của cả nước.

3.6. Tập trung xây dựng, phát triển hạ tầng khoa học - công nghệ và hạ tầng số đồng bộ, hiện đại; quan tâm đầu tư hạ tầng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư, nâng cấp Trung tâm dữ liệu và điều hành an toàn thông tin mạng; xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (Big Data), đảm bảo năng lực lưu trữ, an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu và phục vụ cung cấp hạ tầng dùng chung cho các cơ quan nhà nước. Hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng viễn thông di động mặt đất 4G/5G, mạng Internet băng rộng cố định, có khả năng truy nhập tốc độ cao, phủ cập được tới tất cả các thôn, bản, bảo đảm 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận cáp quang, phủ cập dịch vụ mạng di động 5G và các công nghệ thế hệ sau; đầu tư hạ tầng và triển khai các ứng dụng công nghệ Internet vạn vật, tích hợp cảm biến, công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu, như: Giao thông, môi trường, nông nghiệp, năng lượng, quản lý đô thị, an ninh trật tự...

3.7. Đầu tư, nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng mạng lưới trường học, phân đầu đến năm 2030 toàn tỉnh có 95% trường tiểu học, 87% trường trung học cơ sở và 80% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia; đồng thời, tiếp tục khuyến khích xã hội hóa phát triển các cơ sở giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao, phân đầu đến năm 2030 hoàn thành xây dựng: Bảo tàng tỉnh, Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh, Công viên văn hóa xứ Thanh, Sân vận động tỉnh đạt chuẩn, Nhà thi đấu đa năng và Khu thể thao dưới nước tầm cỡ khu vực; tập trung huy động nguồn lực để đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa gắn với phát triển du lịch; phân đầu có thêm 01 di sản văn hóa Thế giới và ít nhất 01 di tích quốc gia đặc biệt; hằng năm, có từ 02 đến 03 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Đẩy mạnh đầu tư hiện đại hóa các bệnh viện tuyến tỉnh, phát triển một số bệnh viện đa khoa khu vực; duy trì đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trung tâm y tế dự phòng, cơ sở khám chữa bệnh cơ bản, các trạm y tế cấp xã. Quan tâm đầu tư, nâng cấp các cơ sở trợ giúp xã hội, góp phần bảo đảm an sinh xã hội.

3.8. Tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, lồng ghép vốn từ các chương trình, dự án để đầu tư hạ tầng các khu tái định cư phục vụ sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại khu vực miền núi; chủ động quy hoạch, bố trí đất để đầu tư xây dựng hạ tầng các khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đường sắt tốc độ cao Bắc Nam đoạn qua Thanh Hóa và các dự án hạ tầng trọng điểm của tỉnh.

4. Đẩy mạnh phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới; phát triển bền vững, hài hòa giữa các vùng, miền

4.1. Phát triển hệ thống đô thị theo hướng xanh, thông minh, hiện đại, bền vững,

giàu bản sắc xứ Thanh; kết hợp hài hòa giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết các khu đô thị cũ với phát triển các đô thị mới; xây dựng kế hoạch, phương án để chủ động phòng tránh, giải quyết từ sớm những vấn đề bức xúc của đô thị như: ngập lụt, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường do rác thải, nước thải... Nghiên cứu quy hoạch và lộ trình xây dựng Khu hành chính tập trung của tỉnh theo hướng thông minh, hiện đại; từng bước di chuyển trụ sở các sở, ban, ngành, cơ quan của tỉnh đang bố trí phân tán vào Khu hành chính tập trung để dành đất cho các không gian công cộng và phát triển dịch vụ, thương mại, nhà ở cao cấp. Đẩy mạnh đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng các đô thị, nhất là tại các trung tâm kinh tế động lực của tỉnh; tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh, chỉnh trang đô thị theo hướng văn minh, hiện đại. Tiếp tục phát triển một số khu đô thị mới xanh, thông minh, hiện đại và thân thiện môi trường. Phân đầu đến năm 2030, tỉ lệ đô thị hóa của tỉnh đạt 50% trở lên.

4.2. Xây dựng nông thôn mới văn minh, phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hoá, bảo đảm thực chất, hiệu quả, đi vào chiều sâu. Tiếp tục lồng ghép các nguồn vốn, huy động các nguồn lực để tập trung thực hiện xây dựng NTM đối với khu vực miền núi; đẩy mạnh xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với khu vực đồng bằng và trung du; xây dựng thôn, bản NTM ở những nơi đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động hiến đất để đầu tư cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang kết cấu hạ tầng, trọng tâm là đường giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại và các phong trào thi đua, các mô hình hay, hiệu quả trong xây dựng nông thôn mới¹¹⁵; duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí ở các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu gắn với chỉnh trang khu vực nông thôn theo hướng văn minh, xanh, sạch, đẹp, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống, văn hóa đặc trưng của các dân tộc, vùng miền trong tỉnh.

4.3. Phát triển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm 3 vùng kinh tế - xã hội, đảm bảo phát huy cao nhất vai trò, tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng bước rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các vùng. Đối với vùng miền núi, tập trung giữ vững ổn định, phát triển bền vững, bảo đảm an ninh môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, quốc phòng an ninh; củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc. Phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bằng và trung du, gắn với phát huy vai trò của các trung tâm kinh tế động lực của tỉnh. Phát triển đột phá và bền vững vùng ven biển và hải đảo với động lực chính là Khu kinh tế Nghi Sơn, khu vực Sầm Sơn.

II. VỀ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ, VĂN HÓA - XÃ HỘI, QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo động lực quan trọng cho phát triển các ngành, lĩnh vực

Triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới

¹¹⁵ Như: Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM; làm hàng rào xanh; nhà sạch, vườn đẹp; khu dân cư sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn; khu dân cư tự quản đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, an toàn giao thông...

sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các công nghệ mới trong các ngành, lĩnh vực. Ưu tiên bố trí nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là hạ tầng số, công nghệ số, cơ sở dữ liệu lớn; chú trọng đào tạo, thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực khoa học - công nghệ chất lượng cao; phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu; phấn đấu đến năm 2030, Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) và Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) hàng năm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ công lập; xây dựng Trường Đại học Hồng Đức, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa thành các trung tâm đào tạo và nghiên cứu lớn của khu vực Miền Trung; nâng cao năng lực hệ thống các tổ chức dịch vụ khoa học - công nghệ. Tăng cường liên kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới công nghệ, đáp ứng yêu cầu của thị trường khoa học và công nghệ, tạo tiền đề cho ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin và truyền thông, tập trung vào các công nghệ điện toán đám mây, Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, thực tế ảo, cùng với xây dựng và hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu lớn để làm nòng cốt thúc đẩy chuyển đổi số, chính quyền số; xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế số, kinh tế chia sẻ, xã hội số, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trên các ngành, lĩnh vực.

2. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, thể thao

Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, văn học - nghệ thuật, thông tin, báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 04/7/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng, phát triển văn hóa và con người Thanh Hóa trong thời kỳ mới. Phát huy hiệu quả các giá trị lịch sử, văn hóa, truyền thống cách mạng; khơi dậy niềm tự hào, tinh thần trách nhiệm, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân để trở thành động lực nội sinh thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; đẩy mạnh phong trào xây dựng tập thể, cá nhân kiểu mẫu. Tăng cường công tác quản lý, bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa; xây dựng lộ trình, từng bước đầu tư hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, đáp ứng yêu cầu phục vụ đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân. Tăng cường hợp tác quốc tế về văn hóa; hình thành và phát triển ngành công nghiệp văn hóa theo hướng hiệu quả, bền vững.

Phát triển toàn diện thể dục, thể thao cho mọi người, mọi nhà; đẩy mạnh phong trào rèn luyện thể dục, thể thao quần chúng để nâng cao sức khỏe, tuổi thọ, phòng tránh bệnh tật cho Nhân dân và phát triển thể lực, tầm vóc, lành mạnh hóa lối sống cho thanh thiếu niên. Tập trung phát triển lực lượng vận động viên ở các môn thể thao trong chương trình Đại hội thể thao toàn quốc, Đại hội thể thao Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Châu Á, Đại hội thể thao thế giới Olympic, phấn đấu nâng cao

thành tích các môn thể thao có thể mạnh, giữ vững vị trí nhóm đầu về thể dục, thể thao của cả nước. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động kinh doanh, tổ chức dịch vụ thể dục, thể thao, từng bước hình thành và phát triển kinh tế thể thao, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế của tỉnh.

3. Tiếp tục đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, duy trì chất lượng giáo dục mũi nhọn trong nhóm dẫn đầu cả nước, thu hẹp chênh lệch chất lượng giáo dục giữa các vùng, miền trong tỉnh; triển khai các giải pháp khắc phục tình trạng mù chữ, tái mù chữ ở một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực miền núi. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đồng bộ, thống nhất. Triển khai thực hiện sâu rộng, kịp thời, hiệu quả việc miễn học phí cho học sinh các trường công lập trên địa bàn tỉnh. Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường học phù hợp với sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp xã và chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm phân bố hợp lý giữa các vùng, miền, địa bàn dân cư; tăng cường đầu tư bảo đảm đủ số trường, lớp và trang thiết bị dạy học theo yêu cầu. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về giáo dục; khuyến khích thu hút đầu tư xây dựng các trường phổ thông ngoài công lập chất lượng cao, nhất là các trường đạt chuẩn quốc tế. Tập trung khắc phục triệt để tình trạng thừa, thiếu giáo viên ở các cấp học, xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; nghiên cứu xây dựng cơ chế thu hút sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc ở các trường đại học sư phạm hàng đầu về dạy học tại các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thực hiện giáo dục và đào tạo trên nền tảng số; triển khai xây dựng mô hình trường học thông minh, lớp học thông minh.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, phù hợp với định hướng phát triển các ngành kinh tế của tỉnh, nhất là nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực, ngành, nghề mới, các ngành kinh tế trọng tâm, trọng điểm của tỉnh. Nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp; mở rộng quy mô, đa dạng hóa các ngành nghề, hình thức đào tạo, gắn với các quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các đề án, dự án đầu tư lớn triển khai trên địa bàn và xuất khẩu lao động. Khuyến khích xây dựng các cơ sở đào tạo, dạy nghề đạt chuẩn quốc tế tại Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu vực phát triển của tỉnh. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở; hình thành và phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, phong trào học tập suốt đời; nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế giáo dục cơ sở.

4. Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư cho cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân

Tập trung phát triển nhanh các dịch vụ y tế chất lượng cao, kỹ thuật chuyên sâu; tăng cường chuyển giao kỹ thuật bệnh viện tuyến trên cho tuyến dưới; triển khai

thực hiện có hiệu quả Đề án chuyển giao, ứng dụng kỹ thuật cao, kỹ thuật mới, kỹ thuật chuyên sâu tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh, phấn đấu đến năm 2030, có 100% cơ sở khám chữa bệnh thực hiện được các kỹ thuật theo danh mục phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ trong các bệnh viện công lập. Nghiên cứu điều chỉnh tỷ lệ tự chủ tài chính cho các bệnh viện công lập tại khu vực miền núi, bảo đảm phù hợp, khả thi, tạo điều kiện cho các bệnh viện duy trì hoạt động, phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân. Huy động các nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, hiện đại hóa hệ thống y tế của tỉnh. Đổi mới mạnh mẽ y tế cơ sở; nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng, kiểm soát tốt dịch bệnh mới, dịch bệnh theo mùa và phòng, chống bệnh không lây nhiễm. Đẩy mạnh xã hội hoá dịch vụ y tế, ưu tiên thu hút đầu tư các dự án bệnh viện tư nhân hiện đại, quy mô lớn; tăng cường công tác quản lý hoạt động kinh doanh dược phẩm, hành nghề y tế tư nhân trên địa bàn tỉnh.

Chú trọng phát triển nhân lực y tế có trình độ cao, bố trí đủ bác sĩ cho các trạm y tế cấp xã; tăng cường đào tạo nhân lực y tế trong và ngoài nước; vận dụng linh hoạt, sáng tạo cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng người có tài để thu hút nguồn nhân lực y tế trình độ cao vào làm việc trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Trường Đại học y Hà Nội để nâng cao thương hiệu, hiệu quả đào tạo của Phân viện Đại học y Hà Nội tại Thanh Hóa; chú trọng đào tạo nhân lực địa phương cho các cơ sở y tế ở miền núi, đào tạo chuyển giao kỹ thuật kết hợp liên kết đào tạo với các bệnh viện của tỉnh, của Trung ương để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho cán bộ y tế trong tỉnh. Nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

5. Đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

Hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động; nâng cao chất lượng dự báo cung, cầu lao động, hiệu quả kết nối cung - cầu lao động, hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm; thúc đẩy tìm kiếm, mở rộng thị trường lao động ngoài nước, chú trọng thị trường có thu nhập cao. Tăng cường triển khai chương trình dạy nghề cho người trong độ tuổi lao động; hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số; thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ sở dạy nghề để đào tạo nghề, gắn với tuyển dụng lao động. Đẩy mạnh các giải pháp phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN; triển khai đồng bộ các biện pháp, khắc phục cơ bản tình trạng chậm đóng, nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN trong các doanh nghiệp. Phát triển bền vững BHYT toàn dân, hỗ trợ hộ cận nghèo tham gia BHYT, phấn đấu tỉ lệ dân số tham gia BHYT năm 2030 đạt 95% trở lên.

Tập trung thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ giảm nghèo; phấn đấu tỉ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm 1% trở lên. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chế độ, chính sách đối với người có công; hỗ trợ những người yếu thế khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống, vươn lên hòa nhập cộng đồng; tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả thực hiện

Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh, phấn đấu hết năm 2025 xóa bỏ hoàn toàn nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh. Nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo, góp phần củng cố, tăng cường tinh thần đoàn kết, tương trợ phát triển và giữ vững ổn định xã hội trên địa bàn.

6. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, đảm bảo tiết kiệm, bền vững. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai; rà soát, kiên quyết thu hồi các dự án có sử dụng đất chậm tiến độ, vi phạm các quy định của pháp luật về đất đai; sớm hoàn thành Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên phạm vi toàn tỉnh. Tăng cường công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, bảo đảm 100% các trường hợp đủ điều kiện đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định. Tăng cường công tác quản lý, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động thăm dò, khảo sát, cấp phép, khai thác, tập kết, vận chuyển, chế biến khoáng sản, đảm bảo sử dụng tài nguyên khoáng sản tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường, nhất là tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao¹¹⁶, kiên quyết dừng hoạt động đối với các cơ sở sản xuất, chăn nuôi không đáp ứng yêu cầu về môi trường theo quy định. Tập trung thực hiện có hiệu quả Đề án di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh đến năm 2030. Huy động các nguồn lực đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư tập trung, các khu, điểm du lịch trọng điểm của tỉnh; đồng thời tăng cường quản lý việc chấp thuận, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tiến tới 100% các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phải hoạt động trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Triển khai thực hiện quyết liệt các quy định của pháp luật về phân loại chất thải rắn tại nguồn. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, xây dựng các dự án, công trình xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; hoàn thành đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt trọng điểm, phấn đấu năm 2025 đưa vào hoạt động dự án nhà máy xử lý rác thải tại xã Đông Nam, năm 2026 đưa vào hoạt động dự án Nhà máy xử lý rác thải tại xã Quảng Minh và khởi công xây dựng dự án Khu xử lý chất thải rắn tại xã Xuân Phú.

Tăng cường bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái, ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học, duy trì cân bằng sinh thái và phát triển bền vững. Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, Chương trình nghị sự năm 2030 vì sự phát triển bền vững. Tập trung đầu tư, nâng cấp, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu để phục vụ công tác quản

¹¹⁶ Như: khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các đô thị, khu du lịch, làng nghề, các cơ sở công nghiệp gần các nguồn nước, khu vực đầu nguồn các hệ thống sông, suối...

lý nhà nước, dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu; chủ động triển khai các phương án, biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

III. VỀ QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

1. Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội

Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, có sức chiến đấu cao, làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng, phòng thủ dân sự. Tập trung nâng cao sức mạnh tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của quân đội, duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ và các hoạt động phát triển kinh tế biển; sẵn sàng tham gia ứng phó hiệu quả với các tình huống an ninh phi truyền thống xảy ra trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác nắm tình hình, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ, nhất là tại các địa bàn trọng điểm. Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình chiến đấu trong khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp xã theo tinh thần Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị và Nghị định số 21/NĐ-CP ngày 22/02/2019 của Chính phủ về xây dựng khu vực phòng thủ.

Tăng cường bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực, kịp thời giải quyết triệt để các vụ việc phức tạp, không để hình thành “điểm nóng”; chú trọng bảo đảm an ninh cho các doanh nghiệp, các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Chủ động đấu tranh, trấn áp, điều tra, truy tố, xét xử các loại tội phạm; kiểm chế, đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án xã, phường không có ma túy. Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống cháy nổ; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông, kéo giảm các tai nạn cháy nổ, tai nạn giao thông cả về số vụ, số người bị thương và số người chết. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an Thanh Hóa thực sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới”, gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy công an theo hướng “Tinh toàn diện; xã vững mạnh, bám cơ sở”.

Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn, thư, khiếu nại, tố cáo; giải quyết kịp thời, triệt để các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài. Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ bí mật Nhà nước.

2. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại; nâng cao hiệu quả hợp tác với các tỉnh, thành phố trong khu vực và cả nước

Tiếp tục duy trì, làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành phố nước ngoài, các nhà đầu tư, tổ chức quốc tế, nhất là các đối tác chiến lược, quan trọng. Thực hiện tốt các thỏa thuận hợp tác đã ký với các tỉnh, thành phố nước ngoài có quan hệ với tỉnh, như: thành phố Seongnam (Hàn Quốc), tỉnh Mittelsachsen (CHLB Đức), tỉnh Farwaniyah (Cô Oét), tỉnh Niigata (Nhật Bản) và các hoạt động hợp tác toàn diện với tỉnh Hủa Phăn (Nước CHDCND Lào). Kết hợp chặt chẽ giữa công tác

đổi ngoại với xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tại nước ngoài; chú trọng nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại.

Tăng cường hợp tác với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương trong cả nước trên cơ sở nguyên tắc tự nguyện, thiết thực, hiệu quả. Lấy thành phố Thanh Hóa, Khu kinh tế Nghi Sơn, thành phố Sầm Sơn và Cảng hàng không Thọ Xuân làm trọng điểm để tăng cường sự phối hợp, gắn kết với các địa phương trong và ngoài vùng, nhất là trong xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch; huy động và phân bổ nguồn lực; xây dựng kết cấu hạ tầng; đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và tạo việc làm; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng các chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng.

IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị toàn diện, đồng bộ, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới

1.1. Tập trung xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức

Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước; tiếp tục thực hiện nghiêm Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XII) và Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XIII) về xây dựng, chỉnh đốn đảng và hệ thống chính trị; kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa, triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của Tỉnh; khắc phục những yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên. Hoàn thiện cơ chế, quy chế, quy định và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc tự phê bình và phê bình, chất vấn trong cấp ủy, tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả cơ chế phát huy vai trò của Nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ, trí tuệ, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng, trọng tâm là đổi mới công tác tuyên truyền, học tập, quán triệt chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; nâng cao chất lượng công tác dự báo, chủ động nắm bắt, xử lý thông tin, kịp thời định hướng dư luận xã hội và đấu tranh phản bác các thông tin sai trái, thù địch. Tăng cường công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, cung cấp các luận cứ khoa học, cơ sở lý luận cho việc hoạch định và triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Tỉnh và từng địa phương, đơn vị.

Chăm lo xây dựng Đảng về đạo đức; thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ, nêu cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện phẩm

chất đạo đức và ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng; thực hiện thường xuyên, sâu rộng, hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị và các quy định về nêu gương của cán bộ, đảng viên. Tăng cường giáo dục liêm chính cho cán bộ, đảng viên, nâng cao hiệu quả phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự “cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư”, hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

1.2. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả¹¹⁷; trọng tâm là sắp xếp, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, các đơn vị hành chính cấp xã chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định; thực hiện sắp xếp, sáp nhập các thôn, tổ dân phố ở những nơi có điều kiện; rà soát, sắp xếp tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và sắp xếp, tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã; sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập và cơ cấu tổ chức bên trong đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền của cấp trên cho cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm; tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ quyền lực theo quy định của Đảng, Nhà nước.

Chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy chế, quy định về công tác cán bộ; thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình, tiêu chuẩn, điều kiện trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ ở tất cả các cấp, các ngành. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các khâu trong công tác cán bộ; đổi mới mạnh mẽ công tác đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, theo tiêu chí, bằng sản phẩm cụ thể, thông qua khảo sát, công khai kết quả và so sánh với các chức danh tương đương; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ; đổi mới công tác bổ nhiệm cán bộ, đáp ứng yêu cầu cả trước mắt và lâu dài; nghiên cứu thí điểm thực hiện thi tuyển để bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc các cơ quan cấp tỉnh, cấp xã. Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng công chức, viên chức, trọng tâm là thực hiện tốt việc thi tuyển công chức, viên chức; đồng thời, triển khai, vận dụng linh hoạt, sáng tạo chính sách thu hút, sử dụng người có tài từ nguồn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, gắn với tình hình biên chế, bảo đảm đúng người, đúng việc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

1.3. củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng đảng viên

Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 21-NQ/TW của

¹¹⁷ Theo tinh thần Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kết luận số 126-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp...

Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) “Về tăng cường, củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới”; đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện mô hình tổ chức của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, đảm bảo phát huy hiệu quả vai trò lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt cấp ủy, chi bộ. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng, tạo chuyển biến rõ rệt về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng; phấn đấu tỉ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt trên 90%.

Đổi mới nội dung sinh hoạt chi bộ; nâng cao vai trò, trách nhiệm của chi bộ trong giáo dục, quản lý, rèn luyện, kiểm tra, giám sát đảng viên. Làm tốt công tác tạo nguồn, bồi dưỡng, kết nạp quần chúng ưu tú vào Đảng, nhất là ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc, trong các doanh nghiệp; phấn đấu hằng năm kết nạp 8.100 đảng viên mới trở lên.

1.4. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên

Thực hiện nghiêm túc công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng trong tình hình hiện nay. Coi trọng công tác phối hợp, thẩm tra, thẩm định, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị để xem xét kết nạp người vào Đảng và đối với cán bộ, đảng viên được quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu để bầu vào cấp ủy, làm cán bộ chủ chốt, làm đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp và làm việc ở cơ quan, bộ phận, vị trí trọng yếu, cơ mật theo Quy định về bảo vệ chính trị Đảng của Bộ Chính trị.

Quản lý chặt chẽ, hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp; tăng cường giáo dục đạo đức công vụ, văn hóa công sở, nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ trong thực thi công vụ; chú trọng giáo dục liêm chính, xây dựng và thực hành văn hóa liêm chính, không tham nhũng, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức thiếu trách nhiệm, gây phiền hà, tiêu cực trong thực hiện nhiệm vụ. Kịp thời chấn chỉnh, khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh, sợ trách nhiệm, không dám làm trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Kiên quyết bố trí, sắp xếp lại đối với người đứng đầu để cơ quan, đơn vị trì trệ kéo dài, hoặc để mất đoàn kết nội bộ, xảy ra tiêu cực, tham nhũng nghiêm trọng; xử lý nghiêm cán bộ vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

1.5. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Đổi mới quy trình, phương pháp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp và chi bộ. Triển khai thực hiện toàn diện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng. Tập trung kiểm tra, giám sát một số lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm để phòng ngừa. Chú trọng kiểm tra người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị trong thực hiện chức trách, nhiệm

vụ được giao; việc giữ gìn đạo đức, lối sống, thực hiện trách nhiệm nêu gương. Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp để kịp thời phát hiện, ngăn chặn từ xa, từ đầu, giải quyết từ sớm các vi phạm, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn; đề cao trách nhiệm tự kiểm tra, tự soi, tự sửa, tự khắc phục thiếu sót, khuyết điểm của tổ chức đảng, đảng viên. Chủ động nắm chắc tình hình tổ chức đảng và đảng viên, kịp thời phát hiện và tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, nhất là các địa phương, đơn vị có nhiều đơn, thư, lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm; xử lý nghiêm hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước. Nâng cao chất lượng phối hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng giữa ủy ban kiểm tra với thanh tra, cơ quan bảo vệ pháp luật và các cơ quan, đơn vị liên quan; thực hiện tốt việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Đảng. Quan tâm kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ ủy ban kiểm tra các cấp đủ số lượng, nâng cao chất lượng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thông nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức trong sáng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

1.6. Đổi mới công tác dân vận; thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân; phát huy vai trò của Nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng

Tiếp tục đổi mới công tác dân vận theo hướng thiết thực, cụ thể, sáng tạo, hướng đến mục tiêu đồng thuận và tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, quản lý, điều hành của chính quyền, phát huy sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của tỉnh và của địa phương, đơn vị. Xây dựng, nhân rộng mô hình “Chính quyền thân thiện vì Nhân dân phục vụ” ở cấp xã, sở, ngành cấp tỉnh; thực hiện tốt Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; thường xuyên đối thoại, tiếp xúc với Nhân dân, sâu sát cơ sở, lắng nghe tâm tư, kịp thời giải quyết nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của Nhân dân và giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh ở cơ sở. Tăng cường công tác dân vận trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo; phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng trong việc tuyên truyền, động viên các tầng lớp Nhân dân chấp hành và thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Dân vận khéo” gắn với các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động và nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị; kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình trong phong trào thi đua “Dân vận khéo”. Quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy hệ thống dân vận các cấp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

1.7. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nội chính; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí

Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan nội chính nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả với các âm mưu chống phá của các thế lực thù địch; xử lý tốt các mâu thuẫn, nổi cộm trên địa bàn, không để xảy ra “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Củng cố, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác nội chính. Duy trì thực hiện tốt công tác tiếp dân của người đứng đầu cấp ủy, chỉ đạo giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu kiện, không để phát sinh bức xúc, phức tạp, khiếu kiện đông người, vượt

cấp. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đối với công tác cải cách tư pháp, nhất là xây dựng tổ chức bộ máy, cán bộ tư pháp ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, phổ biến các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Thực hiện tốt các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, tập trung vào các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, có nhiều đơn thư; thực hiện nghiêm cơ chế phối hợp trong phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực qua công tác kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Nâng cao hiệu quả công tác phát hiện, điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực, nhất là các vụ án, vụ việc Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống tham nhũng, tiêu cực giao chỉ đạo xử lý và Ban Chỉ đạo tỉnh theo dõi, chỉ đạo; nâng cao hiệu quả công tác thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan dân cử, MTTQ, các đoàn thể, cơ quan báo chí và Nhân dân trong phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

1.8. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng

Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng, hiệu quả Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới; Kế hoạch số 12-KH/TW của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW; Kế hoạch số 102-KH/TU ngày 23/12/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW. Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành văn bản của cấp ủy đảng theo hướng bám sát thực tiễn, dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, dễ giám sát và có trọng tâm, trọng điểm. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy chế phối hợp, các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của từng cơ quan, tổ chức; phân cấp, phân quyền hợp lý, rõ ràng giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm.

Đổi mới phong cách, phương pháp công tác, lề lối làm việc, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thông suốt, kịp thời của cấp ủy, tổ chức đảng. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp; quy định chặt chẽ nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác, khắc phục tình trạng bao biện, làm thay, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, áp đặt hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng.

Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng và cả hệ thống chính trị để tạo sự đồng bộ, thống nhất giữa các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể; xây dựng, áp dụng các tiêu chí, chỉ số đánh giá hiệu quả, chất lượng tổ chức, hoạt động của các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp.

2. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tăng cường gắn bó với cử tri, tích cực nắm bắt những vấn đề thực tiễn, vấn đề cử tri kiến nghị, quan tâm đề đóng góp cho Quốc hội trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tham gia quyết định các chính sách lớn, vấn đề quan trọng của đất nước. Tăng cường công tác giám sát việc thi hành pháp luật, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và tham gia giám sát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh. Nâng cao vai trò, vị thế của Đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa trong tham gia các hoạt động, các quyết định của Quốc hội.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐND các cấp; phát huy hơn nữa vai trò là cơ quan quyền lực của nhà nước ở địa phương; nâng cao chất lượng công tác tiếp xúc cử tri, giám sát và ban hành nghị quyết về những chủ trương, biện pháp, cơ chế chính sách quan trọng để phát huy tiềm năng, giải phóng nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; thường xuyên theo dõi, đôn đốc giải quyết đơn, thư, khiếu nại, tố cáo của công dân và các kiến nghị của cử tri.

Nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước của UBND các cấp trên các lĩnh vực. Tập trung chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy hoạch, kế hoạch, đề án, cơ chế, chính sách nhằm cụ thể các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của Tỉnh; chỉ đạo giải quyết hiệu quả các khó khăn, vướng mắc, bất cập, tháo gỡ các “điểm nghẽn”, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, hấp dẫn để thúc đẩy đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh; tập trung giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc, khắc phục những hạn chế, yếu kém kéo dài, tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, môi trường và đảm bảo an sinh xã hội. Tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ các cơ quan nhà nước của tỉnh theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tránh trùng lặp, chồng chéo; thực hiện bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức dồi dào thực hiện sắp xếp các cơ quan chuyên môn, các đơn vị hành chính và sáp nhập, giải thể theo quy định. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; khẩn trương khắc phục tình trạng sợ sai, sợ trách nhiệm, đùn đẩy trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong thực thi công vụ.

3. Đổi mới mạnh mẽ, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng, hiệu quả hoạt động của MTTQ và các đoàn thể, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển của tỉnh

Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới mạnh mẽ, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng, hiệu quả hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; trọng tâm là đa dạng hóa các hình thức vận động, tập hợp, nắm bắt nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp Nhân dân để chủ động tham mưu và tham gia giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc, các vụ việc phát sinh, nổi cộm ở cơ sở; tạo chuyển biến mạnh về chất lượng, hiệu quả công tác giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; củng cố, phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân và của toàn xã hội, nhất là trong phát triển kinh tế - xã hội, xây

dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; tích cực tham gia công tác cải cách hành chính, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh...

Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan đến quyền lợi và trách nhiệm của người dân. Chú trọng đổi mới công tác tuyên truyền, vận động theo hướng thiết thực, hiệu quả, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội để tuyên truyền đến đông đảo đoàn viên, hội viên, Nhân dân, phù hợp với từng đối tượng ở các vùng, miền, khu dân cư; tập hợp, đoàn kết, khơi dậy khát vọng đổi mới, sáng tạo, phát triển, tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, niềm tự hào về quê hương, đất nước của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Tiếp tục củng cố, xây dựng tổ chức hội vững mạnh, đội ngũ người làm công tác hội đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong Kỷ nguyên mới.

Tăng cường vai trò nòng cốt chính trị, trách nhiệm của MTTQ trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; tập hợp, vận động Nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, thực hành dân chủ, tăng cường đồng thuận để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị và của Tỉnh.

Chăm lo phát triển đoàn viên và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh, tăng nhanh về số lượng, tạo chuyển biến mạnh về chất lượng, thích ứng với điều kiện mới; nâng cao vai trò và chất lượng hoạt động của tổ chức Công đoàn các cấp, đặc biệt là vai trò đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; chú trọng xây dựng tổ chức công đoàn trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, doanh nghiệp ngoài nhà nước.

Tiếp tục phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động, thu nhập, làm giàu ngay trên quê hương.

Thực hiện tốt bình đẳng giới, phát huy truyền thống, tiềm năng, thể mạnh và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của các tầng lớp phụ nữ; nâng cao vai trò, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho phụ nữ, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển toàn diện, thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm trong gia đình và xã hội.

Tăng cường giáo dục, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho thanh niên phát huy vai trò xung kích trong học tập, rèn luyện, lao động, bảo vệ Tổ quốc; nâng cao lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, ý thức chấp hành pháp luật, tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập, lao động, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên và Hội Liên hiệp Thanh niên thật sự vững mạnh, hoạt động hiệu quả.

Thực hiện tốt chế độ, chính sách, phát huy phẩm chất tốt đẹp “Bộ đội Cụ Hồ” của cựu chiến binh, nhất là trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giáo dục lòng yêu nước cho thế hệ trẻ, tham gia xây dựng cơ sở và giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc; tích cực giúp nhau phát triển kinh tế, cải thiện đời sống.

Tăng cường quản lý về tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện để các hội phát huy tinh thần tự nguyện, tự quản, tự đảm bảo kinh phí, tự chịu trách nhiệm theo quy định.

Xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức của tỉnh lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng; đề cao và hỗ trợ tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, góp phần xây dựng Thanh Hóa phát triển nhanh và bền vững.

D. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

I. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng; hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện có hiệu quả các quy định về phân cấp, phân quyền; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp; tạo chuyển biến rõ nét về nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, củng cố niềm tin của Nhân dân vào Đảng và Nhà nước.

2. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu; tập trung xây dựng, phát triển 4 trung tâm kinh tế động lực theo Quy hoạch tỉnh, 3 trụ cột phát triển (công nghiệp chế biến, chế tạo; nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao; du lịch); nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả đầu tư công để phát huy vai trò dẫn dắt, thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội, tạo động lực cho phát triển kinh tế nhanh và bền vững, khẳng định vị thế là cực tăng trưởng mới ở phía Bắc của Tổ quốc.

3. Lồng ghép, triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả 5 chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình xây dựng nông thôn mới; Chương trình giảm nghèo bền vững; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi, dân tộc; Chương trình phát triển văn hóa; Chương trình phòng, chống ma túy) nhằm phát triển hài hòa giữa đô thị và nông thôn, giữa miền xuôi và miền núi, giữa kinh tế với văn hóa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, không để ai bị bỏ lại phía sau.

4. Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc (thừa thiếu giáo viên; khám chữa bệnh; môi trường; nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN; nhà ở cho công nhân, người nghèo...), Nhân dân quan tâm; thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội; quản lý, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, văn minh; quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả, hợp lý tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường; tích cực, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

5. Củng cố vững chắc quốc phòng - an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; tăng cường đấu tranh trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội; giải quyết kịp thời, hiệu quả các vụ việc phức tạp ngay tại cơ sở, tạo môi trường an toàn, lành mạnh, ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên cho Nhân dân.

II. CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

1. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, lành mạnh, minh bạch, bình đẳng để thu hút đầu tư, tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế tư nhân, người dân, doanh nghiệp phát triển thực chất, trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế.

2. Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là hạ tầng giao thông; hạ tầng khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; hạ tầng du lịch.

3. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng, nhân rộng các mô hình kinh tế mới (kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn...); xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trên các lĩnh vực; nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

4. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực, uy tín, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì sự phát triển của tỉnh; đội ngũ doanh nhân có tâm, có tầm, tuân thủ pháp luật, có khát vọng làm giàu chính đáng, có trách nhiệm với xã hội; đội ngũ chuyên gia giỏi đầu ngành, công nhân lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành kinh tế trọng tâm, trọng điểm của tỉnh.

* *

*

Đảng bộ, chính quyền, quân và dân các dân tộc trong tỉnh phát huy cao độ tinh thần đoàn kết, truyền thống văn hóa, lịch sử, cách mạng vẻ vang của quê hương; tranh thủ tốt thời cơ, thuận lợi, chủ động vượt qua khó khăn thách thức; quyết tâm thực hiện thắng lợi, toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đề ra; góp phần cùng cả nước vững vàng bước vào Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

PHỤ LỤC SỐ 1
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM, QUY MÔ LỚN ĐANG TRIỂN KHAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

TT	Lĩnh vực/dự án	Tổng mức đầu tư (tỉ đồng)	Lộ trình thực hiện
A	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP		
1.	Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp tại tỉnh Thanh Hóa	3.800	2021 - 2027
2.	Khu liên hợp sản xuất, chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 1	3.000	2021 - 2026
3.	Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 2	2.000	2025 - 2027
4.	Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 3	2.000	2025 - 2027
B	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP		
5.	Nhà máy xi măng Đại Dương	7.722	2019 - 2025
6.	Nhà máy Luyện cán thép Nghi Sơn số 2	4.787	2022 - 2026
7.	Nhà máy Intco Medical Việt Nam	2.796	2024 - 2026
8.	Tổ hợp sản xuất hóa chất Đức Giang - Nghi Sơn	2.400	2022 - 2026
9.	Nhà máy sản xuất vải Billion Union Việt Nam	1.634	2025 - 2028
10.	Nhà máy sản xuất vật liệu bảo ôn và tấm thạch cao Long Sơn	1.200	2025 - 2028
11.	Nhà máy sản xuất giấy bao bì Miza Nghi Sơn (giai đoạn 2)	1.059	2024 - 2026
12.	Nhà máy đốt rác thải sinh hoạt phát điện - Giai đoạn 1	1.025	2024 - 2025
13.	Sản xuất sản phẩm trang trí công nghệ thân thiện với môi trường tại KCN Bim Sơn của Công ty Intco Medical Investment Singapore Pte.ltd	2.972	2024 - 2025
14.	Nhà máy gia công sản xuất giấy dép xuất khẩu của Công ty TNHH giấy Alivia Việt Nam	972	2024 - 2026

TT	Lĩnh vực/dự án	Tổng mức đầu tư (tỉ đồng)	Lộ trình thực hiện
15.	Nhà máy luyện cán thép DST Nghi Sơn	5.500	2026 - 2028
16.	Nhà máy sản xuất ván tre OSB sta BOO Thanh Hóa	3.199	2025 - 2027
17.	Thủy lợi kết hợp thủy điện Tén Tàn	418	2024 - 2029
18.	Thủy điện Sông Âm	522	2025 - 2030
C	LĨNH VỰC XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ		
19.	Khu đô thị mới tại xã Hoằng Quang và Hoằng Long, thành phố Thanh Hóa	12.890	2020 - 2028
20.	Khu đô thị mới dọc Đại lộ Nam Sông Mã	4.367	2019 - 2028
21.	Khu đô thị Tây Nam đại lộ Nam sông Mã 1, phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa	3.603	2022 - 2027
22.	Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng	3.255	2023 - 2028
23.	Thành phố Giáo dục Quốc tế Thanh Hóa	2.500	2025 - 2027
24.	Khu đô thị Đông đại lộ Bắc Nam, thành phố Thanh Hóa.	1.204	2012 - 2026
25.	Khu đô thị Núi Long kết hợp khu tái định cư phục vụ GPMB đường vành đai Đông - Tây	1.127	2016 - 2026
26.	Khu đô thị sinh thái 2 bên bờ sông Đơ, thành phố Sầm Sơn	804	2012 - 2026
27.	Dự án số 2 - Khu đô thị mới Lam Sơn - Sao Vàng	561	2021 - 2027
28.	Khu dân cư mới Diêm Phố, xã Hưng Lộc, xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc	511,3	2019 - 2027
D	LĨNH VỰC DỊCH VỤ		

TT	Lĩnh vực/dự án	Tổng mức đầu tư (tỉ đồng)	Lộ trình thực hiện
29.	Trung tâm thương mại AEON MALL THANH HÓA tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa	4.584	2024 - 2026
30.	Khu du lịch sinh thái Tân Dân	11.096	2021 - 2027
31.	Khu đô thị nghỉ dưỡng khoáng nóng tại xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương	6.849	2021 - 2027
32.	Khu đô thị nghỉ dưỡng và công viên vui chơi giải trí Nam Sông Mã	6.156	2020 - 2025
33.	Khu phức hợp khách sạn, trung tâm thương mại của Công ty Cổ phần ORG	4.969	2022 - 2028
34.	Quần thể khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái kết hợp các dịch vụ vui chơi, giải trí cao cấp Bến En	4.960	2023 - 2027
35.	Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Flamingo Linh Trường (Khu A)	3.197	2021 - 2026
36.	Cảng Container Long Sơn	2.400	2023 - 2030
37.	Cảng tổng hợp Long Sơn	2.300	2019 - 2025
38.	Khu bến container 2	2.151	2019 - 2027
39.	Sân golf tại xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương	1.616	2024 - 2027
40.	Khu Resort Sao Mai Thanh Hóa	1.400	2021- 2025

PHỤ LỤC SỐ 2
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG LỚN THI CÔNG DỎ DANG; ĐANG DỪNG THI CÔNG, ĐẾN ĐIỂM DỪNG KỸ THUẬT CẦN QUAN TÂM BỐ TRÍ VỐN ĐỂ PHÁT HUY HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ, TRÁNH LÃNG PHÍ

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2024	Lũy kế giá trị giải ngân đến 31/12/2024
1	Đầu tư xây dựng Tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoảng Hóa - Sầm Sơn và đoạn Quảng Xương - Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)	3.372.661	1.404.500	301.032
2	Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nỏ Hèn đến đường tỉnh 514	971.987	349.000	305.068
3	Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân đoạn từ Đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân	1.109.985	327.751	327.751
4	Đường giao thông nối QL.217 với QL.45 và QL.47	921.000	528.949	528.949
5	Đường giao thông từ Quốc lộ 47 đến đường Hồ Chí Minh, huyện Thọ Xuân	914.029	812.000	812.000
6	Đường Dương Đình Nghệ kéo dài, thành phố Thanh Hóa	141.719	98.788	98.788

PHỤ LỤC SỐ 3
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP ƯU TIÊN KÊU GỌI, THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

TT	Tên dự án	Quy mô/Công suất dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)
A	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP		
1	Tổ hợp hóa dầu và sản xuất vật liệu nhựa mới tại KKT Nghi Sơn	2 triệu tấn PE và PP/năm	115.000
2	Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử, máy tính tại KCN Lam Sơn - Sao Vàng	500.000 sản phẩm/năm	5.750
3	Nhà máy nhiệt điện LNG Nghi Sơn	1500MW	58.026
4	Nhà máy sản xuất xơ, sợi tổng hợp tại KKT Nghi Sơn	100 nghìn tấn/năm	11.500
5	Nhà máy sản xuất thiết bị vật tư y tế tại KCN Lam Sơn - Sao Vàng	SXKD sản phẩm vật tư y tế	4.600
6	Nhà máy sản xuất methanol và các sản phẩm từ methanol tại KKT Nghi Sơn	600 nghìn tấn/năm	3.450
B	LĨNH VỰC ĐÔ THỊ HÓA VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG		
7	Hạ tầng khu công nghiệp điện tử tại KKT Nghi Sơn	493 ha	5.839
8	Đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN thực phẩm tỉnh Thanh Hóa	200 ha	1.600
9	KCN Dược phẩm công nghệ cao tại KKT Nghi Sơn	142,2 ha	1.474
10	Đầu tư hạ tầng KCN số 19 tại KKT Nghi Sơn	295 ha	2.360
11	Khu bến Bắc Nghi Sơn mở rộng - Cảng biển Thanh Hóa	23-25 triệu tấn/năm	14.119
12	Khu đô thị nghỉ dưỡng sinh thái và vui chơi giải trí cao cấp Xuân Lai	Diện tích sử dụng đất 50 ha	3.500
13	Dự án số 1 - Khu đô thị Đông Nam thành phố Thanh Hóa	Diện tích sử dụng đất 260 ha	12.000

TT	Tên dự án	Quy mô/Công suất dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)
C	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI, DU LỊCH		
14	Công viên văn hóa xứ Thanh	31,5 ha	2.500
15	Khu du lịch sinh thái Hồ Yên Mỹ	102 ha	20.700
16	Khu du lịch sinh thái Trường Lâm	543 ha	6.210
17	Khu du lịch sinh thái Đảo Mê	DLST kết hợp nghỉ dưỡng	2.300
18	Đầu tư khách sạn cao cấp tiêu chuẩn quốc tế	Chất lượng 05 sao quốc tế	2.300
19	Sân golf và tổ hợp nghỉ dưỡng	Sân golf 18 lỗ; tổ hợp nghỉ dưỡng 63ha	4.100
20	Hạ tầng các CCN trên địa bàn tỉnh	Diện tích theo các quy hoạch đã phê duyệt	
D	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP		
21	Khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng	800 - 1000 ha	8.000
22	Nhà máy chế biến dừa và hoa quả, gắn với vùng nguyên liệu	Công suất 50.000 tấn sản phẩm/năm	1.000
E	LĨNH VỰC Y TẾ, MÔI TRƯỜNG		
23	Bệnh viện Quốc tế Thanh Hóa	500 giường bệnh	700
24	Bệnh viện phục hồi chức năng Quốc tế	350 giường bệnh	490
25	Cơ sở hạ tầng khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng theo Quy hoạch vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Miền Trung	Đến năm 2025: 500 tấn/ ngày đêm; đến năm 2045: 1.000 tấn/ ngày đêm.	720

PHỤ LỤC SỐ 04

**ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU DIỆN TÍCH ĐẤT ĐƯỢC TÍCH TỤ, TẬP TRUNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
QUY MÔ LỚN, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

Stt	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
	TỔNG CỘNG	50.000	10.000
1	Hoàng Hóa	70	10
2	Hoàng Tiến	85	10
3	Hoàng Thanh	135	10
4	Hoàng Lộc	25	5
5	Hoàng Châu	530	230
6	Hoàng Sơn	60	100
7	Hoàng Phú	20	
8	Hoàng Giang	75	35
9	Triệu Lộc	175	30
10	Đông Thành	170	30
11	Hậu Lộc	160	35
12	Hoa Lộc	440	180
13	Vạn Lộc	205	50
14	Thiệu Hóa	335	100
15	Thiệu Quang	215	75
16	Thiệu Tiến	180	75
17	Thiệu Toán	280	75

Stt	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
18	Thiệu Trung	190	75
19	Yên Định	390	70
20	Yên Trường	330	65
21	Yên Phú	180	45
22	Quý Lộc	320	70
23	Yên Ninh	270	40
24	Định Tân	330	55
25	Định Hòa	380	70
26	Nga Sơn	204	89
27	Nga Thắng	142	89
28	Hồ Vương	144	49
29	Tân Tiến	252	61
30	Nga An	142	71
31	Ba Đình	166	92
32	Quảng Phú	100	35
33	Đông Quang	122	45
34	Đông Sơn	147	50
35	Đông Tiến	106	35
36	Hàm Rồng	35	20
37	Nguyệt Viên	60	25
38	Nam Sầm Sơn	40	20

Stt	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
39	Ngọc Sơn	185	145
40	Tân Dân	20	10
41	Hải Lĩnh	45	13
42	Tĩnh Gia	35	5
43	Đào Duy Từ	35	20
44	Hải Bình	30	
45	Trúc Lâm	165	20
46	Các Sơn	50	40
47	Trường Lâm	135	22
48	Lưu Vệ	430	180
49	Quảng Yên	55	
50	Quảng Ngọc	270	60
51	Quảng Ninh	210	
52	Quảng Bình	265	10
53	Quảng Chính	470	190
54	Nông Cống	107	15
55	Thắng Lợi	92	17
56	Trung Chính	88	5
57	Trường Văn	133	25
58	Thắng Bình	99	5
59	Tượng Lĩnh	189	18

Stt	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
60	Công Chính	532	205
61	Triệu Sơn	210	120
62	Thọ Bình	90	20
63	Thọ Ngọc	145	40
64	Thọ Phú	260	90
65	Hợp Tiến	170	45
66	An Nông	165	95
67	Tân Ninh	110	70
68	Đồng Tiến	90	70
69	Như Xuân	525	151
70	Thượng Ninh	870	239
71	Hóa Quý	575	166
72	Xuân Bình	1.050	264
73	Thanh Phong	810	100
74	Thanh Quân	820	80
75	Xuân Du	100	
76	Mậu Lâm	108	80
77	Như Thanh	52	10
78	Yên Thọ	980	70
79	Thanh Kỳ	1.710	320
80	Xuân Thái	200	20

Stt	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
81	Mường Chanh	65	
82	Quang Châu	100	
83	Pù Nhi	30	
84	Nhi Sơn	35	
85	Trung Lý	35	
86	Mường Lý	35	
87	Tam Chung	40,0	
88	Mường Lát	40,0	
89	Hiền Kiệt	279	9
90	Thiên Phú	279	9
91	Nam Tiến	278	10
92	Hồi Xuân	278	9
93	Phú Xuân	140	5
94	Phú Lệ	407	14
95	Trung Thành	279	9
96	Trung Sơn	140	5
97	Trung Hạ	300	
98	Quan Sơn	350	
99	Tam Lư	200	
100	Tam Thanh	300	
101	Sơn Điện	300	

Stt	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
102	Mường Mìn	300	
103	Sơn Thủy	150	
104	Na Mèo	100	
105	Linh Sơn	600	
106	Đồng Lương	600	
107	Văn Phú	590	
108	Giao An	590	
109	Yên Thắng	465	
110	Yên Khương	463	
111	Yên Nhân	213	140
112	Bát Mọt	212	50
113	Lương Sơn	460	170
114	Thường Xuân	318	80
115	Luận Thành	943	30
116	Tân Thành	1.000	30
117	Vạn Xuân	380	30
118	Thắng Lộc	744	50
119	Xuân Chinh	680	0
120	Ngọc Lặc	530	80
121	Thạch Lập	730	90
122	Ngọc Liên	900	390

Stt	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
123	Nguyệt Ấn	930	120
124	Kiên Thọ	690	110
125	Minh Sơn	1.110	210
126	Thọ Xuân	212	60
127	Thọ Long	220	50
128	Xuân Hòa	225	20
129	Sao Vàng	319	65
130	Lam Sơn	192	11
131	Thọ Lập	202	34
132	Xuân Tín	260	60
133	Xuân Lập	270	100
134	Hà Trung	127	15
135	Hà Long	219	150
136	Hoạt Giang	92	10
137	Lĩnh Toại	130	10
138	Tổng Sơn	287	110
139	Vĩnh Lộc	440	160
140	Tây Đô	275	125
141	Biện Thượng	335	120
142	Bá Thước	300	15
143	Thiết Ống	465	66

Stt	Xã, phường	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha)
144	Văn Nho	310	1
145	Điền Quang	431	75,3
146	Điền Lư	434	77
147	Quý Lương	501	61,7
148	Cổ Lũng	15	2
149	Pù Luông	14	1
150	Cầm Thạch	555	90
151	Cầm Thủy	320	70
152	Cầm Tú	1.355	510
153	Cầm Vân	435	80
154	Cầm Tân	295	50
155	Kim Tân	200	
156	Vân Du	350	150
157	Ngọc Trạo	960	260
158	Thạch Bình	870	200
159	Thành Vinh	520	100
160	Thạch Quảng	250	140
161	Bỉm Sơn	77	5,0
162	Quang Trung	40	20

PHỤ LỤC SỐ 5
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG TẬP TRUNG ĐẦU TƯ TRONG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

TT	Lĩnh vực/tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỉ đồng)	Lộ trình thực hiện
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		
1.	Đường vành đai 3 nhánh Đông đoạn từ huyện Hoằng Hóa đến huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	9.985	2026 - 2030
2.	Đường giao thông kết nối liên vùng từ đường Hồ Chí Minh, tỉnh Thanh Hóa đến Quốc lộ 6 và đường cao tốc CT.03 tỉnh Hòa Bình	9.800	2026 - 2030
3.	Dự án đường giao thông nối thành phố Thanh Hóa với các huyện Ngọc Lặc và các huyện phía Tây tỉnh Thanh Hóa	5.400	2026 - 2030
4.	Đại lộ Bắc sông Mã	4.000	2026 - 2030
5.	Đường tỉnh 501 (Đường Trường Thi - Hàm Rồng)	1.000	2026 - 2030
6.	Đường nối Quốc lộ 47 - Quốc lộ 15 - Quốc lộ 217	4.000	2026 - 2030
7.	Đầu tư đường cất hạ cánh số 2 Cảng hàng không Thọ Xuân	3.500	2026 - 2030
8.	Tuyến đường Vành đai 2 (giai đoạn hoàn chỉnh theo quy hoạch)	3.000	2026 - 2030
9.	Tuyến đường nối Quốc lộ 47 và Quốc lộ 45, tỉnh Thanh Hóa với Quốc lộ 48E, tỉnh Nghệ An	2.100	2026 - 2030
10.	Đường nối QL47 tại Dân Lực, Triệu Sơn với khu du lịch biển Quảng Đại	2.000	2026 - 2030
11.	Đường Minh Sơn - Thành Minh	2.000	2026 - 2030
12.	Đường nối Hồ Chí Minh (khu di tích Lam Kinh) với QL217 (Khu di tích Thành Nhà Hồ)	2.000	2026 - 2030
13.	Đường từ TP. Thanh Hóa đi các xã Định Công, Định Thành, huyện Yên Định	1.765	2026 - 2030
14.	Đường Vạn Thiện, Nông Cống - Quảng Lợi, Quảng Xương	1.685	2026 - 2030

TT	Lĩnh vực/tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỉ đồng)	Lộ trình thực hiện
15.	Tuyến đường Yên Cát - Thanh Quân - Bù Cầm, tỉnh Thanh Hoá	1.400	2026 - 2030
16.	Đầu tư các công trình để giảm ùn tắc khu vực thành phố Thanh Hóa, gồm: Dương Đình Nghệ - Đội Cung - Mai An Tiêm/Hàm Nghi...	1.000	2026 - 2030
17.	Đường nối Quốc lộ 1 với đường Ven biển (nối tiếp với đường nối Quốc lộ 1 - Quốc lộ 45)	1.000	2026 - 2030
18.	Đường nối thành phố Thanh hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân đoạn từ cầu Nỏ Hèn đến đường tỉnh 514	1.461	2026 - 2030
19.	Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân đoạn từ đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân	1.836	2026 - 2030
20.	Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47	921	2026 - 2030
21.	Đường giao thông từ Quốc lộ 47 đến đường Hồ Chí Minh	914	2026 - 2030
22.	Đường giao thông từ ngã ba Voi (thành phố Thanh Hóa) đi thành phố Sầm Sơn	1.498	2026 - 2030
23.	Tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoằng Hóa - Sầm Sơn và Quảng Xương - Nghi Sơn (theo hình thức đầu tư công)		2026 - 2030
24.	Đường Quang Trung (TX. Bim Sơn) - Nga Vịnh (Nga Sơn)	1.200	2026 - 2030
25.	Đường tỉnh Chợ Kho - Minh Thọ (ĐT 525) nối Quốc lộ, Quốc lộ 47B và Quốc lộ 45 với nút giao Vạn Thiện	1.142	2026 - 2030
26.	Đường tỉnh 512 (Tân Dân - Chuông - Vạn Thiện - Trượng Sơn)	1.158	2026 - 2030
27.	Đầu tư nâng cấp, mở rộng các tuyến đường kết nối Ga đường sắt tốc độ cao (gồm: mở rộng tuyến đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa; nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 47 đoạn từ ngã Tư Phú Sơn giao với đường vành đai phía Tây)	4.300	2026 - 2030
II	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, THỦY LỢI, CẤP THOÁT NƯỚC		

TT	Lĩnh vực/tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỉ đồng)	Lộ trình thực hiện
28.	Hiện đại hóa hệ thống cấp nước Bái Thượng thích ứng với biến đổi khí hậu	2.100	2026 - 2030
29.	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thủy sông Hoàng	420	2026 - 2030
30.	Đầu tư xây dựng mới tuyến đê hữu Sông Mã đoạn từ Quý Lộc - Yên Lâm, huyện Yên Định	300	2026 - 2030
31.	Cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu sông Lý tỉnh Thanh Hóa	200	2026 - 2030
32.	Thủy lợi kết hợp thủy điện Cẩm Hoàng trên sông Mã	8.000	2026 - 2030
33.	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ sông Nhơ	450	2026 - 2030
34.	Xây dựng mới đê tả sông Lèn từ K32 xã Nga Bạch đến đê biển xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn	456,5	2026 - 2030
35.	Cơ sở hạ tầng nước có khả năng chống chịu biến đổi khí hậu và toàn diện cho các hộ sản xuất nhỏ ở nông thôn tỉnh Thanh Hóa, sử dụng vốn vay của IFAD và viện trợ không hoàn lại của AF	794,6	2024 - 2029
36.	Phát triển thủy sản bền vững tỉnh Thanh Hóa	400	2023 - 2028
III	LĨNH VỰC DU LỊCH		
37.	Khu du lịch sinh thái Hồ Yên Mỹ	20.700	2026 - 2030
38.	Quản thể du lịch Am Tiên	12.500	2026 - 2030
39.	Khu du lịch sinh thái Trường Lâm	6.210	2026 - 2030
40.	Sân golf và tổ hợp nghỉ dưỡng tại huyện Hà Trung	4.100	2026 - 2030
41.	Khu du lịch sinh thái Đảo Mê	2.300	2026 - 2030
42.	Đầu tư khách sạn cao cấp tiêu chuẩn quốc tế tại KKT Nghi Sơn	2.300	2026 - 2030
IV	HẠ TẦNG KHU KINH TẾ NGHI SƠN, KHU CÔNG NGHIỆP		
43.	Khu bến Bắc Nghi Sơn mở rộng - Cảng biển Thanh Hóa	14.119	2026 - 2030

TT	Lĩnh vực/tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỉ đồng)	Lộ trình thực hiện
44.	Khu công nghiệp số 17 - KKT Nghi Sơn	5.839	2026 - 2030
45.	Đường giao thông kết nối các Khu công nghiệp số 20, 21, 22 từ Quốc lộ 1A đi đường Thọ Xuân - Nghi Sơn	5.425	2026 - 2030
46.	Nạo vét luồng tàu khu bến cảng Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn	3.018	2026 - 2030
47.	Khu công nghiệp số 19 - KKT Nghi Sơn	2.360	2026 - 2030
48.	Khu công nghiệp Dược phẩm công nghệ cao Việt Nam - Ấn Độ	1.474	2026 - 2030
49.	Cải tạo, nâng cấp đường 512 kéo dài đoạn từ nút giao đường Sao Vàng-Nghi Sơn đến đường 529	1.400	2026 - 2030
50.	Kho dự trữ quốc gia đối với dầu thô, quy mô 01 triệu tấn, tại Nghi Sơn		2026 - 2030
51.	Hệ thống các kho, đường ống xăng dầu, LNG, LPG		2026 - 2030
V	LĨNH VỰC ĐIỆN		
52.	Nhà máy điện khí LNG Nghi Sơn	58.026	2026 - 2030
53.	Nhà máy nhiệt điện LNG Công Thanh	50.000	2026 - 2030
54.	Nhà máy điện gió Mường Lát	12.000	2026 - 2030
55.	Nhà máy điện gió Bắc Phương - Nghi Sơn	5.469	2026 - 2030
56.	Nhà máy điện gió Hoằng Hoá		2026 - 2030
57.	Nhà máy điện gió Nghi Sơn 1		2026 - 2030
58.	Nhà máy điện gió Nghi Sơn 2		2026 - 2030
59.	Nhà máy điện gió Thái Hải Hùng		2026 - 2030
60.	Nhà máy điện rác Thọ Xuân	3.000	2026 - 2030
61.	Nhà máy thủy điện Mường Mìn	450	2026 - 2030
62.	Nhà máy thủy điện Xuân Khao	261	2026 - 2030

TT	Lĩnh vực/tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Lộ trình thực hiện
63.	Nhà máy thủy điện Mường Lát		2026 - 2030
64.	Nhà máy thủy điện tích năng Sông Mực - Đồng Lớn		2026 - 2030
65.	Nhà máy thủy điện Yên Mỹ - Bồng Bồng		2026 - 2030
66.	Nhà máy điện mặt trời Thanh Hoá I		2026 - 2030
67.	Nhà máy điện mặt trời Ngọc Lặc		2026 - 2030
68.	Nhà máy điện mặt trời Yên Mỹ 1		2026 - 2030
69.	Nhà máy điện mặt trời ĐMT Long Sơn - Thanh Hóa		2026 - 2030
70.	Điện sinh khối Thanh Hóa 1		2026 - 2030
71.	Điện sinh khối Thanh Hóa 2		2026 - 2030
VI	HẠ TẦNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, HẠ TẦNG CHUYỂN ĐỔI SỐ		
72.	Xây dựng CSHT và lắp đặt thiết bị mạng di động 4G/5G, mạng cáp quang, MAN-E thiết bị	788	2026 - 2030
73.	Nâng cấp Trung tâm dữ liệu và điều hành An toàn thông tin mạng của tỉnh	190	2026 - 2030
74.	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (Big Data)	130	2026 - 2030
VII	HẠ TẦNG VĂN HÓA, XÃ HỘI		
75.	Khu liên hiệp thể dục thể thao tỉnh (bao gồm: Sân vận động tỉnh; khu thể thao dưới nước; Nhà thi đấu tỉnh...)	2.100	2026 - 2030
76.	Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa	500	2026 - 2030
77.	Trung tâm văn hóa tỉnh	500	2026 - 2030
78.	Bệnh viện Lão khoa tỉnh Thanh Hóa	750	2026 - 2030
79.	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Thanh Hóa	620	2026 - 2030
VIII	HẠ TẦNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ		

TT	Lĩnh vực/tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỉ đồng)	Lộ trình thực hiện
80.	Đề án giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng các khu tái định cư và giải phóng mặt bằng các khu công nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn		
81.	Đầu tư các dự án tái định cư thuộc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi giai đoạn 2026 - 2030		
82.	Đầu tư hạ tầng các khu tái định cư phục vụ triển khai thực hiện Dự án đường sắt tốc độ cao Bắc Nam		